

NỘI DUNG VÀ CHƯƠNG TRÌNH DỰ KIẾN ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Thời gian: 8h30, Thứ Tư, ngày 24 tháng 06 năm 2020

Địa điểm: Trụ sở Công ty Cổ phần thủy điện Sứ Pán 2 – Thôn Hoàng Liên, xã Bàn Hồ, Thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai.

STT	Thời gian	Nội dung	Ghi chú
1	8:00 – 8:30	Đón tiếp đại biểu và cổ đông	Ban tổ chức
		Kiểm tra tư cách cổ đông, lập danh sách cổ đông tham dự đại hội và phát thẻ biểu quyết.	Ban kiểm tra tư cách cổ đông
2	8:30 – 8:35	Khai mạc Đại hội, giới thiệu Đại biểu	Ban tổ chức
3	8:35 – 8:40	Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông	Trưởng ban kiểm tra tư cách cổ đông
4	8:40 – 9:00	Giới thiệu Chủ tịch đoàn, cử thư ký Đại hội, bầu ban kiểm phiếu và thông qua chương trình, Quy chế tổ chức Đại hội.	Chủ tọa
5	9:00 – 10:00	<p>Nội dung các tờ trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty về tình hình thực hiện SXKD năm 2019 và Nhiệm vụ, kế hoạch SXKD năm 2020; - Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019, phương hướng, kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020; - Thông qua báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán; - Thông qua Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020; - Thông qua Tờ trình về việc chi trả tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2019 và Phương án chi trả tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2020; - Bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2020 – 2025. 	Đại diện HĐQT
6	10:00 – 10:15	Thảo luận các vấn đề biểu quyết, bầu cử	
7	10:15 – 10:30	Hướng dẫn biểu quyết; Đại biểu tiến hành biểu quyết.	Ban kiểm phiếu
8	10:30 – 10:45	Nghỉ giải lao	
9	10:45 – 11:00	Công bố kết quả kiểm phiếu	Đại diện ban kiểm phiếu
10	11:00 – 11:30	Thông qua Biên bản, Nghị quyết tại Đại hội	Thư ký, chủ tọa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc



GIẤY XÁC NHẬN

**Tham dự hoặc ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020
Công ty Cổ phần Thủy điện Sứ Pán 2**

Kính gửi: Công ty Cổ phần Thủy điện Sứ Pán 2

Tên cổ đông (hoặc đại diện tổ chức):

Địa chỉ:

Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu/Giấy CNĐKDN số:

Cấp ngày/...../..... Tại:

Số cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết:

Tôi xác nhận:

1. Đồng ý tham dự đại hội

2. Đồng ý ủy quyền cho Ông/bà:

Họ và tên:

Địa chỉ:

Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu số:

Cấp ngày/...../..... Tại:

3. Đồng ý ủy quyền cho 01 trong các thành viên HĐQT Công ty có tên sau:

Ông Mai Huy Tuấn - Chủ tịch HĐQT

Ông Nguyễn Xuân Hồng - Thành viên

Ông Phạm Sỹ Long - Thành viên

Ông Khương Đức Dũng - Thành viên

Ông Nguyễn Quang Luân - Thành viên

4. Nội dung ủy quyền.

Thay mặt Bên ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần thủy điện Sứ Pán 2, tổ chức vào ngày 24 tháng 06 năm 2020 tại Lào Cai; và có toàn quyền thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cổ đông tại Đại hội theo số cổ phần của người ủy quyền sở hữu trong suốt quá trình diễn ra Đại hội.

5. Trách nhiệm và thời hạn ủy quyền

- Người được ủy quyền có trách nhiệm chấp hành các quy định của Đại hội và không được ủy quyền cho người khác;
- Việc ủy quyền trên đảm bảo đúng quy định của Pháp luật và của Công ty
- Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần thủy điện Sứ Pán 2.

....., ngày tháng năm 2020

Bên được ủy quyền

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức)

Cổ đông

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức)



**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Lào Cai, ngày 05 tháng 06 năm 2020

**QUY CHẾ
TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng Khoán đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006 và các văn bản sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần thủy điện Sứ Pán 2,

**CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

- 1.1 Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 (“Đại hội”) của Công ty Cổ phần thủy điện Sứ Pán 2 (“Công ty”).
- 1.2 Quy chế này quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của cổ đông, người được ủy quyền dự họp và các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.
- 1.3 Cổ đông, người được ủy quyền dự họp và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

**CHƯƠNG II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NHỮNG NGƯỜI THAM DỰ ĐẠI HỘI**

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội

- 2.1 Điều kiện tham dự Đại hội: Là các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản (theo mẫu đính kèm thư mời họp ĐHCĐ do Công ty phát hành) của một hoặc nhiều cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Công ty tại ngày 28/05/2019 - ngày chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp.
- 2.2 Quyền của cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự họp Đại hội:
 - a. Được trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự họp Đại hội bằng văn bản theo mẫu của Công ty;
 - b. Được thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty;



- c. Được Ban tổ chức thông báo nội dung, chương trình Đại hội và các tài liệu kèm theo;
- d. Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp khi tới tham dự Đại hội được nhận Phiếu biểu quyết sau khi đăng ký tham dự Đại hội với Ban kiểm tra tư cách cổ đông; và
- e. Cổ đông, người được ủy quyền dự họp đến muộn khi Đại hội chưa kết thúc có quyền đăng ký và tham gia biểu quyết ngay tại Đại hội đối với các vấn đề chưa biểu quyết, khi đó Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội và hiệu lực của các lần biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.

2.3 Nghĩa vụ của cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự họp Đại hội:

- a. Cổ đông hay người được ủy quyền dự họp khi tham dự Đại hội phải mang theo Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu, bản gốc Thông báo mời họp, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền) và đăng ký tham dự Đại hội với Ban kiểm tra tư cách cổ đông;
- b. Ăn mặc lịch sự;
- c. Việc ghi âm, ghi hình Đại hội phải được thông báo công khai và được sự chấp thuận của Chủ tọa Đại hội;
- d. Đăng ký phát biểu tại Đại hội theo quy định, tuân thủ thời gian phát biểu, nội dung phát biểu trong phạm vi chương trình Đại hội;
- e. Phát biểu và biểu quyết phù hợp với hướng dẫn của Ban tổ chức Đại hội và tuân thủ sự điều khiển của Chủ tọa Đại hội;
- f. Không được có hành vi cản trở, gây rối trật tự làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;
- g. Không được gây rối, ngăn cản diễn biến bình thường của Đại hội;
- h. Tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa Đại hội;
- i. Nghiêm túc chấp hành Quy chế này, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông

- 3.1 Ban kiểm tra tư cách cổ đông gồm một (01) Trưởng Ban và 01 thành viên do Hội đồng quản trị (“HĐQT”) Công ty quyết định để thực hiện các chức năng và nhiệm vụ như sau:
- a. Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông đến dự họp: Yêu cầu cổ đông tham dự Đại hội và khách mời xuất trình Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu, bản gốc Thông báo mời họp, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền);
 - b. Phát cho cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến dự họp: Phiếu biểu quyết và các tài liệu họp liên quan khác;
 - c. Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp Đại hội tại các thời điểm sau:
 - Trước khi khai mạc Đại hội và trước mỗi lần biểu quyết của Đại hội nếu có sự thay đổi về số cổ đông đăng ký tham dự Đại hội (Cổ đông đến muộn đăng ký dự họp).

- d. Thực hiện các công việc khác do Ban Tổ chức Đại hội hoặc Chủ tọa Đại hội phân công.
- 3.2 Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu

- 4.1 Ban kiểm phiếu gồm một (01) Trưởng ban và 01 thành viên do Chủ tọa đề nghị và được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.
- 4.2 Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ hướng dẫn cách sử dụng Phiếu biểu quyết, thể thức biểu quyết và tiến hành kiểm phiếu, tính toán và loại trừ các cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết (nếu có) cho từng vấn đề biểu quyết.
- 4.3 Trưởng Ban kiểm phiếu báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm phiếu.
- 4.4 Ban kiểm phiếu có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.
- 4.5 Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của kết quả kiểm phiếu đã công bố.
- 4.6 Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lưu giữ, bảo quản và bàn giao lại toàn bộ phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử, các biên bản kiểm phiếu cho HĐQT Công ty ngay sau khi kết thúc Đại hội.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa, Đoàn chủ tịch và Thư ký Đại hội

- 5.1 Chủ tịch HĐQT Công ty là Chủ tọa Đại hội. Đoàn chủ tịch gồm các thành viên HĐQT Công ty.
- 5.2 Chủ tọa của Đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc đề Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự;
- 5.3 Bất cứ lúc nào Chủ tọa và Đoàn chủ tịch cũng có thể trì hoãn họp Đại hội đến một thời điểm khác (phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty) và tại một địa điểm khác do Chủ tọa và Đoàn chủ tịch quyết định nếu xảy ra các trường hợp bất thường ngoài nội dung chương trình Đại hội khi:
 - a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;
 - c) Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.
- 5.4 Chủ tọa và Đoàn chủ tịch có quyền không trả lời hoặc chỉ ghi nhận các ý kiến đóng góp của cổ đông nếu các nội dung đóng góp, kiến nghị nằm ngoài nội dung xin ý kiến Đại hội.
- 5.5 Chủ tọa và Đoàn chủ tịch có quyền cắt ý kiến phát biểu của cổ đông khi cổ đông phát biểu quá thời gian quy định hoặc ý kiến nằm ngoài nội dung chương trình Đại hội, ý kiến trùng lặp.
- 5.6 Có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người có biểu hiện gây rối, không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa và Đoàn chủ tịch, ngăn cản

diễn biến bình thường của Đại hội.

- 5.7 Chủ tọa đề cử Thư ký Đại hội lập biên bản cuộc họp Đại hội và thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa.

CHƯƠNG III THỂ THỨC TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 6. Điều kiện tiến hành Đại hội

- 6.1 Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông tham dự đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội. Trường hợp quá 30 phút kể từ thời điểm khai mạc Đại hội (được ghi trong nội dung chương trình cuộc họp đã gửi cho các cổ đông), mà số cổ đông đăng ký tham dự đại hội chưa đại diện đủ cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông thì cuộc họp được coi như chưa đủ điều kiện để tiến hành.
- 6.2 Trường hợp Đại hội không đủ điều kiện tiến hành theo quy định trên đây thì việc triệu tập và tiến hành Đại hội cổ đông các lần tiếp theo sẽ được tiến hành theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Điều 7. Tiến hành Đại hội

- 7.1 Đại hội sẽ diễn ra theo đúng trình tự nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua.
- 7.2 Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung tại chương trình Đại hội theo hình thức biểu quyết quy định tại Điều 10 của Quy chế này.
- 7.3 Đại hội bế mạc sau khi Biên bản Đại hội được thông qua.

Điều 8. Thông qua quyết định của Đại hội

- 8.1 Các quyết định của Đại hội được thông qua khi có sự chấp thuận của số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
- 8.2 Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự họp thực hiện biểu quyết để tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến đối với những vấn đề phải thông qua trong Đại hội theo quy định tại Điều 10 Quy chế này.

Điều 9. Phiếu biểu quyết:

- 9.1 Phiếu biểu quyết phải có dấu của Công ty do Ban kiểm tra tư cách cổ đông phát cho các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp. Phiếu biểu quyết phải ghi số đăng ký, họ tên, chữ ký cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông và các yếu tố kỹ thuật khác giúp cho việc kiểm phiếu chính xác, thuận tiện.
- 9.2 Giá trị biểu quyết của Phiếu biểu quyết: Giá trị biểu quyết của Phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc đại diện được ủy quyền

đăng ký tham dự họp Đại hội trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông có mặt tại Đại hội.

Điều 10. Thẻ thức biểu quyết thông qua các quyết định tại Đại hội

Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền sẽ biểu quyết về từng vấn đề trong nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 bằng cách ghi vào thẻ biểu quyết đồng ý, không đồng ý hoặc không có ý kiến để Ban kiểm phiếu thu Phiếu biểu quyết và tiến hành kiểm phiếu theo quy chế làm việc, các nguyên tắc và thể lệ Đại hội.

Điều 11. Quy định việc kiểm phiếu đối với hình thức biểu quyết bằng bỏ phiếu

11.1 Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu theo quy định như sau:

- a. Ban kiểm phiếu làm việc trong 01 phòng hoặc khu vực riêng dưới sự giám sát của HĐQT Công ty. Ngoài Ban kiểm phiếu và các thành viên giúp việc đã được phân công, không cho phép bất cứ người nào khác vào trong khu vực kiểm phiếu.
- b. Ban kiểm phiếu có thể sử dụng các phương tiện kỹ thuật điện tử trong việc kiểm phiếu và sử dụng thành viên giúp việc cần thiết.
- c. Kiểm tra tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết.
- d. Kiểm tra lần lượt từng Phiếu biểu quyết và ghi kết quả kiểm phiếu.
- f. Niêm phong toàn bộ Phiếu biểu quyết, bàn giao lại cho HĐQT Công ty.

11.2 Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

- a. Sau khi kiểm phiếu xong, Ban kiểm phiếu lập Biên bản kiểm phiếu
- b. Nội dung Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau:
 - Thời gian, địa điểm tiến hành việc kiểm phiếu;
 - Thành phần Ban kiểm phiếu;
 - Tổng số cổ phần của cổ đông có quyền biểu quyết tham dự họp;
 - Tổng số cổ phần của cổ đông có quyền biểu quyết tham gia bỏ phiếu;
 - Số và tỷ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ;
 - Số và tỷ lệ quyền biểu quyết cho từng vấn đề;
 - Biên bản kiểm phiếu phải có chữ ký của các thành viên Ban Kiểm phiếu và xác nhận của Chủ tọa Đại hội.

Điều 12. Phát biểu ý kiến tại Đại hội

Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông đến dự họp khi phát biểu ý kiến phải đăng ký vào Phiếu đăng ký phát biểu ý kiến (theo mẫu quy định). Trong Phiếu đăng ký, cổ đông cần ghi rõ câu hỏi hoặc nội dung phát biểu. Phiếu đăng ký được chuyển lên Chủ tọa Đại hội xử lý. Khi phát biểu, nội dung phát biểu cần ngắn gọn và phù hợp với nội dung đang thảo luận tại Đại hội và chương trình Đại hội. Cổ đông không phát biểu lại những ý kiến đã được cổ đông khác phát biểu và chỉ các ý kiến phát biểu phù hợp với nội dung chương trình Đại hội mới được ghi vào Biên bản

Đại hội. Chủ tọa có quyền dừng ý kiến phát biểu của cổ đông khi quá thời gian cho phép nêu trên hoặc các ý kiến phát biểu không phù hợp với nội dung chương trình Đại hội.

Điều 13. Biên bản Đại hội


- 13.1 Nội dung Đại hội được lập thành Biên bản. Chủ tọa Đại hội và Thư ký Đại hội chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của Biên bản Đại hội.
- 13.2 Biên bản Đại hội phải được công bố trước Đại hội và được Đại hội thông qua trước khi bế mạc Đại hội;
- 13.3 Biên bản Đại hội, Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông, Biên bản kiểm phiếu và các tài liệu khác ghi nhận diễn biến, kết quả của Đại hội phải được lưu trữ tại Trụ sở chính của Công ty.
- 13.4 Biên bản Đại hội phải được lưu giữ tại Công ty và phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng 24h kể từ ngày bế mạc cuộc họp.
- 13.5 Biên bản Đại hội là cơ sở để đưa ra Nghị quyết Đại hội.

Điều 14. Nghị quyết Đại hội

Căn cứ kết quả tại Đại hội, Chủ tọa chuẩn bị Nghị quyết Đại hội về các vấn đề đã được Đại hội thông qua. Nghị quyết của Đại hội phải được đọc tại Đại hội để các cổ đông thông qua và phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng 24h kể từ ngày bế mạc cuộc họp.

Điều 15. Hiệu lực thi hành của Quy chế

- 15.1. Quy chế này gồm ba (03) Chương, mười lăm (15) Điều và có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội biểu quyết thông qua;
- 15.2. Đại hội đồng cổ đông quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này.


BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

Lào Cai, ngày 05 tháng 06 năm 2020

**QUY CHẾ
BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng Khoán đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006 và các văn bản sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần thủy điện Sử Pán 2,

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Thủy điện Sử Pán 2 tiến hành bầu cử thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) và thành viên Ban kiểm soát (BKS) nhiệm kỳ 2020 - 2025 theo các nội dung sau đây:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này bao gồm những quy định về bầu cử thành viên HĐQT và thành viên BKS của Công ty Cổ phần Thủy điện Sử Pán 2 (“Công ty”) nhiệm kỳ 2020 - 2025 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Điều 2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

2.1 Theo quy định tại Điều lệ của Công ty, Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành, thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác.
- Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.

2.2 Theo quy định tại Điều lệ của Công ty, Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành, thành viên BKS phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định;
- Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
- Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người

lao động của công ty.

Điều 3. Đối tượng thực hiện bầu cử

Cổ đông sở hữu và người được ủy quyền (sau đây gọi tắt là cổ đông) có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Sứ Pán 2 do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam chốt ngày 28/05/2020.

Điều 4. Đề cử ứng viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

4.1 Đề cử ứng viên Hội đồng quản trị:

4.1.1 Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bầu là nhiệm kỳ 2020 - 2025 của Hội đồng quản trị.

4.1.2 Đề cử ứng viên Hội đồng quản trị:

Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

4.2 Đề cử ứng viên Ban kiểm soát:

4.2.1 Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát được bầu là nhiệm kỳ 2020 - 2025 của Ban kiểm soát.

4.2.2 Đề cử ứng viên Ban kiểm soát:

Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người với nhau để đề cử ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

Điều 5. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

5.1 Danh sách ứng viên bầu vào HĐQT, BKS được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

5.2 Phiếu bầu và ghi phiếu bầu:

- Phiếu bầu được in thống nhất, có tổng số quyền biểu quyết theo Mã cổ đông;
- Cổ đông được phát phiếu bầu thành viên HĐQT, BKS theo Mã cổ đông (sở hữu và/hoặc được ủy quyền);

- Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban kiểm phiếu đổi phiếu bầu khác;
- Cổ đông phải tự mình ghi số quyền biểu quyết bầu cho từng ứng cử viên vào ô trống của ứng cử viên đó trên phiếu bầu.

5.2 Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ:

- Phiếu bầu không theo mẫu quy định của Công ty, không có dấu của Công ty;
- Phiếu gạch xóa, sửa chữa, ghi thêm tên không thuộc danh sách ứng cử viên đã được ĐHDCĐ thông nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;
- Phiếu có tổng số quyền đã biểu quyết cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số quyền được biểu quyết của cổ đông đó nắm giữ (bao gồm quyền sở hữu và/hoặc được ủy quyền);
- Phiếu bầu cử không còn nguyên vẹn.

Điều 6. Phương thức bầu cử

6.1 Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT, BKS thực hiện bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu.

6.2 Quyền biểu quyết được tính theo số cổ phần sở hữu, hoặc được ủy quyền của cổ đông. Kết quả bầu cử được tính trên số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội.

6.3 Mỗi cổ đông tham dự Đại hội được sử dụng một (01) Phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị và (01) Phiếu bầu thành viên Ban kiểm soát tương ứng với số cổ phần sở hữu và/hoặc được ủy quyền.

6.4 Mỗi cổ đông có tổng số quyền biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm cả số cổ phần sở hữu và/hoặc được ủy quyền) nhân với số lượng thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc số lượng thành viên được bầu của BKS, cụ thể theo công thức sau:

(i) Bầu thành viên HĐQT

Tổng số quyền biểu quyết	=	Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết	x	Số thành viên được bầu của HĐQT
-------------------------------------	---	--	---	--

(i) Bầu thành viên BKS

Tổng số quyền biểu quyết	=	Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết	x	Số thành viên được bầu của BKS
-------------------------------------	---	--	---	---

6.5 Cổ đông có thể dồn toàn bộ tổng số quyền biểu quyết cho một (01) ứng cử viên, hoặc chia đều tổng số quyền biểu quyết cho tất cả các ứng cử viên, hoặc chỉ lấy một phần trong tổng số quyền biểu quyết để bầu cho một số ứng cử viên theo mức độ tín nhiệm, hoặc không bầu (bỏ phiếu trắng) với điều kiện tổng số quyền biểu quyết không vượt quá tổng số quyền biểu quyết cổ đông đó sở hữu và/hoặc được ủy quyền.

64
TY C
ĐIẾ
ÁN
PA T

Điều 7. Ban kiểm phiếu, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

7.1 Ban kiểm phiếu:

- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được ĐHĐCĐ thông qua.
- Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:
 - + Giới thiệu nội dung, cách ghi phiếu biểu quyết, phiếu bầu;
 - + Giám sát việc biểu quyết, bầu cử của các cổ đông tại Đại hội;
 - + Tổng hợp số cổ phần biểu quyết, bầu cử theo từng nội dung;
 - + Thông báo kết quả cho Chủ tọa, Ban Thư ký Đại hội và công bố kết quả biểu quyết, bầu cử trước Đại hội.
- Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT, BKS.

7.2 Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu:

- Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;
- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;
- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;
- Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban Kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

Điều 8. Nguyên tắc trúng cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

8.1 Nguyên tắc trúng cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020 - 2025 được xác định theo tỷ lệ phần trăm phiếu bầu trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm cả số cổ phần sở hữu và/hoặc được ủy quyền) tính từ cao xuống thấp.

8.2 Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT, BKS thì sẽ lựa chọn người nào sở hữu/đại diện sở hữu nhiều cổ phần SP2 hơn tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 28/05/2020.

8.3 Trường hợp kết quả bầu cử không đủ số lượng thành viên HĐQT hoặc BKS đã được Đại hội thông qua thì sẽ tiến hành bầu cử tiếp lần 2 trong số những người đề cử hoặc ứng cử không trúng cử đợt 1 còn lại. Trường hợp vẫn không bầu đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì việc bầu cử tiếp theo sẽ do ĐHĐCĐ quyết định.

Điều 9. Lập và công bố biên bản kiểm phiếu

9.1 Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu. Nội dung Biên bản kiểm phiếu bao gồm các nội dung chính như sau: Ban kiểm phiếu; Danh sách đề cử; Tổng số phiếu phát ra, tổng số phiếu thu về, tổng số phiếu hợp lệ, tổng số phiếu không hợp lệ tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm cả số cổ phần sở hữu và/hoặc được ủy quyền); Kết quả kiểm phiếu và Danh sách trúng cử.

9.2 Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

Điều 10. Quy định khác

Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa Đại hội giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

Quy chế này gồm có mười một (11) Điều, được đọc công khai tại ĐHĐCĐ và có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 biểu quyết thông qua./.


**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



Mai Huy Tuấn

Số: .01.../BC-SP2-HĐQT

Lào Cai, ngày 18 tháng 05 năm 2020

**BÁO CÁO
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY**

**Về tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2019 và
Nhiệm vụ, Kế hoạch SXKD năm 2020**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY

A. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY

1. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty

Đầu tư xây lắp công trình thủy điện vừa và nhỏ, sản xuất kinh doanh điện thương phẩm; Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình điện; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh dịch vụ du lịch, khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng và văn phòng cho thuê; Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng; Dịch vụ tư vấn quản lý dự án, tư vấn giám sát...

2. Vốn điều lệ của Công ty

- Vốn điều lệ của Công ty đăng ký là: 420 tỷ đồng
- Vốn điều lệ đã góp là: 152,46 tỷ đồng

3. Bộ máy quản lý, điều hành của Công ty hiện nay

3.1. Hội đồng quản trị:

Ông Mai Huy Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 20/05/2016
Ông Khương Đức Dũng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29/06/2017
Ông Phạm Sỹ Long	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 31/01/2018
Ông Nguyễn Xuân Hồng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27/03/2019
Ông Nguyễn Quang Luân	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27/03/2019
Ông Trần Văn Huyền	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 06/12/2017 Miễn nhiệm ngày 27/03/2019
Ông Đỗ Quang Lợi	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 31/01/2018 Miễn nhiệm ngày 27/03/2019

3.2. Ban Kiểm soát:

Ông Ninh Văn Khương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 09/08/2018
Ông Lê Đình Quý	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27/03/2019
Bà Vi Thị Phương Anh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27/03/2019
Ông Lê Biên Cường	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 31/01/2018 Miễn nhiệm ngày 09/08/2018
	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 09/08/2018 Miễn nhiệm ngày 27/03/2019

Bà Trần Thị Xuân

Ủy viên

Bổ nhiệm ngày 14/06/2018

Miễn nhiệm ngày 27/03/2019

3.3. Ban Tổng Giám đốc:

Ông Nguyễn Xuân Hồng

Tổng giám đốc

Bổ nhiệm ngày 01/01/2019

Ông Nguyễn Khả Lộc

P. Tổng giám đốc

Bổ nhiệm ngày 01/01/2015

Miễn nhiệm ngày 01/03/2020

Ông Phạm Sỹ Long

P. Tổng giám đốc

Bổ nhiệm ngày 05/04/2018

Ông Khương Đức Dũng

P. Tổng giám đốc

Bổ nhiệm ngày 01/09/2018

Ông Bùi Quế Lâm

P. Tổng giám đốc

Bổ nhiệm ngày 03/12/2018

Ông Vương Thanh Tùng

Tổng giám đốc

Bổ nhiệm ngày 05/03/2018

Miễn nhiệm ngày 01/01/2019

Ông Kim Văn Sỹ

Kế toán trưởng

Bổ nhiệm ngày 01/03/2020

Ông Phạm Đình Dương

Kế toán trưởng

Bổ nhiệm ngày 01/09/2018

Miễn nhiệm ngày 02/04/2019

3.3. Các phòng nghiệp vụ Công ty

- Văn phòng Công ty;
- Phòng Tài chính kế toán;
- Phòng Kinh tế kỹ thuật;
- Nhà máy thủy điện Sứ Pán 2.

Tổng số CBCNV Công ty đến ngày 31/12/2019 là: 42 người. Tính đến ngày 30/04/2020 là 41 người.

B. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SXKD NĂM 2019

Với nhiệm vụ và kế hoạch năm 2019 đã đề ra, bằng sự nỗ lực phấn đấu của tập thể CBCNV Công ty, dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị và sự quan tâm hỗ trợ của các cổ đông, tập thể Cán bộ công nhân viên Công ty CP thủy điện Sứ Pán 2 đã cơ bản hoàn thành kế hoạch và đạt được một số những thành quả nhất định. Bên cạnh những thuận lợi tích cực cũng có không ít khó khăn, nhất là vấn đề tăng vốn điều lệ Công ty để đảm bảo đủ nguồn vốn chủ sở hữu thanh toán công nợ cho các nhà thầu đã thi công Công trình thủy điện Sứ Pán 2.

1. Kết quả thực hiện Sản xuất kinh doanh năm 2019

1.1 Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019			Ghi chú
			KH	TH	HT%	
1	Sản lượng điện					
-	Sản lượng điện đầu cực	10 ⁶ kWh	140,7	145,9		
-	Sản lượng điện thương phẩm	10 ⁶ kWh	139,1	144,2	103,7%	
2	Tổng Doanh thu (gồm thuế Tài nguyên, Phí DVMTR, doanh thu khác)	10 ⁶ đồng	157.923	149.098	94,4%	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019			Ghi chú
			KH	TH	HT%	
-	Doanh thu từ sản xuất điện năng	10 ⁶ đồng	139.069	128.103	92,1%	
-	Doanh thu khác	10 ⁶ đồng	1.882	2.512	133,5%	
-	Thuế Tài nguyên, Phí DVMTR	10 ⁶ đồng	16.973	18.483	108,9%	
3	Chi phí SXKD	10⁶đồng	152.405	145.941	95,8%	
	<i>Trong đó:</i>					
-	Chi phí khấu hao	10 ⁶ đồng	47.700	53.984		
-	Chi phí lãi vay	10 ⁶ đồng	62.600	53.589		
4	Lợi nhuận sau thuế	10⁶đồng	5.519	3.157	57,2%	
5	Nộp Ngân sách Nhà nước	10⁶đồng	31.132	32.297	103,7%	
6	Tổng Tài sản	10⁶đồng	864.456	859.978		
7	Tổng Nợ phải trả	10⁶đồng	879.154	981.125		

(Có báo cáo chi tiết kèm theo)

1.2 Đánh giá tình hình SXKD năm 2019

Sản lượng điện thương phẩm vượt 4% so với kế hoạch, tuy nhiên doanh thu bán điện không đạt so với kế hoạch là do Công ty chưa hoàn thành việc điều chỉnh giá bán điện như kế hoạch đã đề ra trong năm 2019.

Về mặt lợi nhuận SXKD của năm 2019 là chưa đạt được kỳ vọng như đã đề ra, do một số nguyên nhân sau:

- Doanh thu bán điện giảm 10,5 tỷ đồng (do chưa điều chỉnh được giá bán điện cho Nhà máy thủy điện Sử Pán 2);

- Điều chỉnh tăng thêm giá trị khấu hao sau khi thực hiện quyết toán công trình với số tiền 6,2 tỷ đồng.

Tháng 03/2020 vừa qua, Công ty đã hoàn thành việc điều chỉnh tăng giá bán điện cho Nhà máy thủy điện Sử Pán 2, do vậy, doanh thu và lợi nhuận của Công ty trong năm 2019 sẽ được hồi tố lại và tăng thêm với tổng số tiền là 24,2 tỷ đồng trong năm 2020.

2. Các công tác phối hợp trong quá trình sản xuất kinh doanh

2.1. Công tác vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng Nhà máy:

- Công ty đã chủ động được công tác sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ cho các tổ máy, đến nay các tổ máy đã phát điện được an toàn và hiệu quả, đặc biệt là công suất phát điện của các tổ máy đã đạt được hiệu suất cao trong các tháng mùa mưa năm 2019 vừa qua;

- Công ty đã hoàn thành việc gia cố, chống xói nền đường ống áp lực đoạn MN1-2 và đang tiếp tục triển khai xử lý sạt trượt nền đường ống áp lực thuộc đoạn MN6-8;

- Trong năm 2019, Công ty đã thực hiện tốt công tác chuẩn bị ứng phó với tình hình xảy ra của mùa mưa bão từ khâu lập kế hoạch, triển khai thực hiện nên không ảnh hưởng đến việc vận hành an toàn của thiết bị, công trình. Công ty luôn thực hiện báo cáo, thông báo đầy đủ đến vùng hạ du và các cơ quan liên quan theo quy định; tiến hành kiểm tra, nắm bắt tình hình ngập lụt vùng hạ du để kịp thời có biện pháp xử lý.

- Quan hệ tốt với chính quyền địa phương và các cơ quan hữu quan để tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Phối hợp với các nhà máy bậc trên, Trung tâm điều độ hệ thống điện Quốc gia (A0) để tận dụng được tối đa lượng nước phát điện trong các giờ cao điểm, hạn chế được thời gian phải ngừng phát điện vào những lúc lưới điện Quốc gia có mức phụ tải thấp.

2.2. Công tác kinh tế - Tài chính:

Trong năm 2019, Công ty chưa hoàn thành điều chỉnh giá bán điện theo kế hoạch đã đề ra. Tháng 03/2020, Công ty đã hoàn thành công tác đàm phán, ký kết hợp đồng điều chỉnh giá bán điện mới cho nhà máy thủy điện Sử Pán 2.

2.3. Công tác tổ chức nhân sự:

- Duy trì ổn định bộ máy tổ chức, bố trí phù hợp với kế hoạch của Công ty đảm bảo hiệu quả cho từng vị trí;

- Điều chỉnh mô hình quản lý điều hành, không ngừng bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị doanh nghiệp trên cơ sở cập nhật các quy định của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của công ty để đạt hiệu quả cao nhất.

2.4. Về việc tăng vốn điều lệ Công ty để đảm bảo đủ nguồn vốn chủ sở hữu thanh toán công nợ cho các nhà thầu tham gia thi công Dự án thủy điện Sử Pán 2:

Trong năm 2019, Công ty CP thủy điện Sử Pán 2 chưa triển khai thực hiện được phương án tăng vốn điều lệ do do Cổ đông Tổng Công ty Sông Đà – CTCP chưa thông qua phương án tăng vốn điều lệ. Việc Công ty CP Thủy điện Sử Pán 2 không thể thực hiện tăng vốn điều lệ sẽ dẫn đến các khoản nợ của nhà thầu thi công dự án, nợ ngân hàng đến hạn trả và các khoản chi phí khác không đủ nguồn vốn để thanh toán.

2.5. Các vấn đề còn tồn tại, chưa thực hiện được:

- Chưa thu hồi được số tiền đền bù từ dự án thủy điện Nậm Toóng;
- Việc thoái vốn tại Công ty CP Xây lắp Vật liệu Hoàng Liên đến nay vẫn chưa thực hiện được.

C. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2019

1. Đánh giá công tác quản lý của HĐQT năm 2019

Năm 2019 vừa qua, tập thể Hội đồng Quản trị đã bám sát những mục tiêu, nhiệm vụ, các chỉ tiêu kinh tế mà Đại hội đồng cổ đông đã quyết định thông qua để chỉ đạo và giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh, giám sát và chỉ đạo Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện các nhiệm vụ, các chỉ tiêu kinh tế năm 2019 và đã đạt được những thành tựu khả quan: Nhà máy được quản lý, vận hành an toàn và ổn định, không có sự cố lớn phát sinh; Các thiết bị được kiểm tra bảo dưỡng tốt, hệ số tin cậy cao, số lần sự cố các tổ máy thấp và tận dụng tốt các lợi thế của công ty khi tham gia thị trường điện.

Hội đồng quản trị định kỳ triệu tập các cuộc họp để xem xét kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty và đề ra nhiệm vụ, các công việc cần thực hiện trong thời gian tiếp theo. Tại các kỳ họp Hội đồng quản trị đã tập trung phân tích đánh giá, kiểm điểm các nguyên nhân khách quan, chủ quan, những việc đã thực hiện, chưa

thực hiện được và đưa ra những chỉ đạo quyết liệt nhằm đảm bảo mục tiêu kế hoạch SXKD của đơn vị cũng như nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao cho. Trong năm 2019, HĐQT Công ty đã ban hành 10 Nghị quyết và 04 Quyết định để tạo điều kiện cho công tác quản lý điều hành công việc của Công ty. Việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT luôn tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT có tính thực thi cao và được Tổng giám đốc tổ chức triển khai thực hiện một cách nghiêm túc.

2. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành

- Hội đồng quản trị Công ty luôn sát sao chỉ đạo Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, Quy chế, Quy định quản lý nội bộ của Công ty cũng như các Nghị quyết, Quyết định của Công ty đã đề ra;

- Giám sát trước khi thực hiện: HĐQT đã ban hành các Chỉ thị, Nghị quyết, Quyết định để chỉ đạo Tổng Giám đốc thực hiện kế hoạch SXKD theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ; Rà soát, bổ sung, hoàn thiện ban hành và chỉ đạo thực hiện đồng bộ các Quy chế, Quy định quản lý nội bộ của Công ty;

- Giám sát trong quá trình thực hiện: Định kỳ hàng tháng, quý hoặc đột xuất Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Thành viên HĐQT dự các cuộc họp với Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành Công ty để kiểm điểm kết quả thực hiện kế hoạch SXKD, các hoạt động của Công ty;

- Kiểm tra, giám sát việc chi trả lương cho người lao động; thực hiện nộp các loại thuế, nộp BHXH và BHYT đảm bảo về thời gian theo quy định;

- Giám sát sau quá trình thực hiện: Giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc, các phòng nghiệp vụ Công ty thông qua việc kiểm tra, kiểm soát hàng quý của Ban kiểm soát nội bộ Công ty.

3. Công tác tổ chức, cán bộ thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

3.1 Công tác tổ chức:

- Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên và ĐHĐCĐ bất thường năm 2019 của Công ty;

- Tiếp tục duy trì ổn định tổ chức, cân đối lực lượng lao động nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh và tăng cao hiệu quả hoạt động.

3.2 Công tác cán bộ:

Hội đồng quản trị Công ty đã kiện toàn bộ máy quản lý Công ty: Thay đổi chức danh Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty.

D. NHIỆM VỤ, KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

1. Nhiệm vụ của năm 2020

- Sản lượng điện thương phẩm: 139,1 triệu kWh;
- Tổng doanh thu (gồm thuế tài nguyên nước, phí dịch vụ môi trường rừng và doanh thu khác): 161,27 tỷ đồng.
- Doanh thu thuần từ sản xuất điện: 140,87 tỷ đồng;

- Doanh thu khác:	2,42 tỷ đồng
- Thuế Tài nguyên, Phí DVMTR	17,97 tỷ đồng
- Tổng chi phí:	147,55 tỷ đồng.
- Nộp ngân sách Nhà nước:	33,41 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế là:	13,71 tỷ đồng.

(Bảng tổng hợp chi tiết kèm theo)

3. Một số giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2020

3.1. Công tác vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng Nhà máy

- Vận hành nhà máy, sửa chữa bảo dưỡng đúng quy trình an toàn. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra tình trạng vận hành của máy móc thiết bị. Đồng thời, chuẩn bị đầy đủ các vật tư, thiết bị dự phòng cho việc thay thế khắc phục sự cố, hư hỏng (nếu có) nhằm giảm thiểu thời gian ngừng nghỉ máy;

- Phối hợp chặt chẽ với Trung tâm điều độ Quốc gia A0, đồng thời tạo mối quan hệ tốt với Trung tâm điều độ HTĐĐQG để có được kế hoạch phát điện tốt nhất cho nhà máy thủy điện Sừ Pán 2;

- Chủ động phối hợp với các Nhà máy trên lưu vực lòng hồ để điều tiết lượng nước phát điện và hạn chế phá điện trong các giờ thấp điểm;

- Tăng cường công tác kiểm tra tuyến đường ống áp lực để đưa ra các giải pháp xử lý kịp thời, hạn chế tối đa việc phải ngừng phát điện để xử lý sự cố;

- Tuân thủ quy trình vận hành hồ chứa, phương án phòng chống thiên tai và đảm bảo an toàn đập đã được Bộ Công thương phê duyệt;

- Tổ chức thi công nạo vét lòng hồ đảm bảo dung tích hữu ích theo thiết kế.

3.2. Công tác kinh tế - Tài chính:

- Tăng vốn điều lệ nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn thanh toán cho các nhà thầu tham gia thi công dự án thủy điện Sừ Pán 2 và phục vụ công tác gia cố đường ống áp lực và xử lý sạt trượt của Nhà máy;

- Tiếp tục thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan đến việc thu hồi tiền bồi thường từ Công ty TNHH MTV TĐ Sa Pa;

- Tiếp tục làm việc với ngân hàng để cơ cấu trả nợ phần lãi và gốc, giảm lãi vay;

- Nghiên cứu, đưa ra phương án thực hiện việc thoái vốn tại Công ty cổ phần xây lắp Sông Đà Hoàng Liên để thu hồi vốn đã đầu tư.

3.3. Công tác tổ chức nhân sự:

- Xây dựng, sửa đổi, bổ sung các Quy chế, Quy định quản lý nội bộ của Công ty theo đúng các quy định của nhà nước và tình hình thực tế của Công ty;

- Tiếp tục duy trì ổn định bộ máy tổ chức, bố trí phù hợp với kế hoạch của Công ty đảm bảo hiệu quả cho từng vị trí. Nâng cao ý thức cho NLD về tinh thần tự thực hiện, cải tiến và tối ưu hóa là hành động xuyên suốt quy trình SXKD và việc nâng cao thu nhập phải gắn liền với cải thiện năng suất lao động và hiệu quả công việc.

Trên đây là Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty về tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2019 và Nhiệm vụ, Kế hoạch SXKD năm 2020 của Công ty. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty kính mong Quý vị cổ đông xem xét, đóng góp ý kiến để HĐQT, Ban Tổng giám đốc Công ty tiếp tục lãnh đạo, quản lý điều hành Công ty hoạt động ngày càng đạt hiệu quả cao hơn.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- ĐHCĐ;
- TV HĐQT, BKS;
- Lưu: Văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch



Mai Huy Tuấn

BÁO CÁO

THỰC HIỆN SXKD NĂM 2019 VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2020

NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019			Kế hoạch năm 2020	Ghi chú
			KH	Thực hiện năm 2019	HT		
-	Sản lượng điện đầu cực	10 ⁶ Kwh	140,7	145,9		140,7	
-	Sản lượng điện thương phẩm	10 ⁶ Kwh	139,1	144,2	103,7%	139,1	Phụ lục 1
I	Doanh thu	10⁶ đ	157.923	149.098	94,4%	161.267	
	- Doanh thu từ sản xuất điện (doanh thu thuần)	10 ⁶ đ	139.069	128.103	92,1%	140.872	Phụ lục 1
	- Thuế tài nguyên nước	10 ⁶ đ	11.966	13.293		12.965	Phụ lục 1
	- Phí môi trường rừng	10 ⁶ đ	5.007	5.191		5.007	Phụ lục 1
	- Hoạt động tài chính	10 ⁶ đ	50	321		20	
	- Doanh thu cho thuê đường dây	10 ⁶ đ	1.832	1.903		1.903	
	- Thu nhập khác	10 ⁶ đ		288		500	
*	<i>Thuế GTGT</i>	<i>10⁶ đ</i>	<i>15.604</i>	<i>14.659</i>		<i>15.884</i>	
II	Giá vốn bán hàng	10⁶ đ	152.405	145.941	95,8%	147.553	
	- Sản xuất điện	10 ⁶ đ	89.805	92.352		99.553	
	+ Chi phí O&M (chi phí quản lý DN)	10 ⁶ đ	17.786	15.709		21.598	Phụ lục 2
	+ Thuế tài nguyên nước	10 ⁶ đ	11.966	13.293		12.965	
	+ Phí môi trường rừng	10 ⁶ đ	5.007	5.191		5.007	
	+ Khấu hao tài sản trong thời gian xây dựng	10 ⁶ đ	47.700	53.984		53.984	
	+ Phân bổ chi phí sửa chữa các hạng mục công trình xây dựng dân dụng đã hoàn thành	10 ⁶ đ	3.961	2.255		3.500	Phụ lục 2
	+ Phân bổ chi phí mua sắm vật tư thay thế, sửa chữa lớn và TN định kỳ	10 ⁶ đ	3.385	1.921		2.500	Phụ lục 2
	- Lãi vay giai đoạn sau đầu tư	10 ⁶ đ	62.600	53.589		48.000	
III	Lợi nhuận	10⁶ đ	5.519	3.157	57,2%	13.714	
	- Sản xuất điện	10 ⁶ đ	68.069	56.425		61.694	
	- Hoạt động tài chính (lãi vay tín dụng)	10 ⁶ đ	-62.550	-53.268		-47.980	
IV	Phải nộp Nhà nước	10⁶ đ	31.132	32.297	103,7%	33.407	
	- Thuế GTGT phải nộp	10 ⁶ đ	13.604	13.323		14.884	
	+ Thuế GTGT đầu ra	10 ⁶ đ	15.604	14.659		15.884	
	+ Thuế GTGT đầu vào	10 ⁶ đ	2.000	1.336		1.000	
	- Thuế tài nguyên	10 ⁶ đ	11.966	13.293		12.965	
	- Phí môi trường rừng	10 ⁶ đ	5.007	5.191		5.007	
	- Phải nộp khác (BHXH, BHYT, TN, CĐ)	10 ⁶ đ	555	491		550	
V	Tiền lương và thu nhập						
1	CBCNV đến cuối kỳ	Người	37	42		42	
2	CBCNV bình quân	Người	37				
2	Tổng quỹ lương phải trả	10 ⁶ đ	6.471	7.004		8.107	
VI	Tài sản cố định và khấu hao						
1	Nguyên giá TSCĐ BQ tính KH	10 ⁶ đ	1.154.560	1.153.484		1.153.484	
2	Số tiền khấu hao	10 ⁶ đ	47.700	53.984		53.984	

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019			Kế hoạch năm 2020	Ghi chú
			KH	Thực hiện năm 2019	HT		
3	Tỷ lệ khấu hao	%	4,1%	4,7%		4,7%	
4	Nguyên giá TSCĐ đầu kỳ	10 ⁶ đ	1.154.560	1.153.484		1.153.484	
5	Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ	10 ⁶ đ	1.154.560	1.153.484		1.153.484	
6	Giá trị còn lại cuối kỳ	10 ⁶ đ	766.368	758.658		704.674	
VII	Vốn kinh doanh đến cuối kỳ	10⁶ đ	608.649	347.355		464.918	
1	<i>Nguồn vốn chủ sở hữu</i>	<i>10⁶ đ</i>	<i>91.958</i>	<i>-121.146</i>		<i>92.878</i>	
	Vốn điều lệ	10 ⁶ đ	352.770	152.460		352.770	
	Cổ phiếu quỹ	10 ⁶ đ	-2.522	-2.522		-2.522	
	Lợi nhuận chưa phân phối	10 ⁶ đ	(266.084)	(271.084)		(257.370)	
2	<i>Nguồn vốn vay</i>	<i>10⁶ đ</i>	<i>516.691</i>	<i>468.501</i>		<i>372.040</i>	
	Vay ngắn hạn Tổng công ty	10 ⁶ đ	15.000				
	Lãi nhập gốc Tổng công ty	10 ⁶ đ	21.691				
	Vay dài hạn	10 ⁶ đ	480.000	468.501		372.040	
VIII	Tổng tài sản	10⁶ đ	864.456	859.978		805.978	
IX	Tổng nợ phải trả	10⁶ đ	879.154	981.125		881.125	

Phụ lục 1

KẾ HOẠCH DOANH THU SẢN XUẤT PHÁT ĐIỆN NĂM 2020
NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2

Stt	Ngày, tháng	Sản lượng điện phát (KWh)		Thuế TNN	Phí MTR	Doanh thu (đã bao gồm TNN, MTR)			Doanh thu (chưa bao gồm TNN, MTR)		
		SL đầu cực	SL thương phẩm			Doanh thu trước thuế	thuế VAT	Doanh thu sau thuế	Doanh thu trước thuế	Thuế VAT	Doanh thu sau thuế
I	Quý I	15.529.000	15.350.417	1.430.996.527	552.614.994	17.531.587.881	1.753.158.788	19.284.746.669	15.547.976.360	1.554.797.636	17.102.773.996
1	Tháng 01	6.085.000	6.015.023	560.732.427	216.540.810	6.869.709.077	686.970.908	7.556.679.985	6.092.435.840	609.243.584	6.701.679.424
2	Tháng 02	4.381.000	4.330.619	403.708.918	155.902.266	4.945.964.744	494.596.474	5.440.561.218	4.386.353.560	438.635.356	4.824.988.916
3	Tháng 03	5.063.000	5.004.776	466.555.182	180.171.918	5.715.914.060	571.591.406	6.287.505.466	5.069.186.961	506.918.696	5.576.105.657
II	Quý II	37.143.000	36.715.856	3.422.725.481	1.321.770.798	41.932.884.840	4.193.288.484	46.126.173.324	37.188.388.560	3.718.838.856	40.907.227.416
1	Tháng 04	6.691.000	6.614.054	616.575.295	238.105.926	7.553.857.590	755.385.759	8.309.243.349	6.699.176.369	669.917.637	7.369.094.005
5	Tháng 05	10.631.000	10.508.744	979.646.087	378.314.766	12.001.951.881	1.200.195.188	13.202.147.070	10.643.991.029	1.064.399.103	11.708.390.132
6	Tháng 06	19.821.000	19.593.059	1.826.504.099	703.350.106	22.377.075.368	2.237.707.537	24.614.782.905	19.845.221.163	1.984.522.116	21.829.743.279
III	Quý III	64.444.000	63.702.894	5.938.511.184	2.293.304.184	72.754.565.614	7.275.456.561	80.030.022.176	64.522.750.246	6.452.275.025	70.975.025.270
7	Tháng 07	21.317.000	21.071.855	1.964.360.420	758.586.762	24.065.996.450	2.406.599.645	26.472.596.095	21.343.049.267	2.134.304.927	23.477.354.194
8	Tháng 08	22.175.000	21.919.988	2.043.425.075	789.119.550	25.034.642.364	2.503.464.236	27.538.106.600	22.202.097.739	2.220.209.774	24.422.307.513
9	Tháng 09	20.952.000	20.711.052	1.930.725.690	745.597.872	23.653.926.801	2.365.392.680	26.019.319.481	20.977.603.239	2.097.760.324	23.075.363.563
IV	Quý IV	23.584.000	23.312.784	2.173.264.350	839.260.224	26.625.344.104	2.662.534.410	29.287.878.515	23.612.819.530	2.361.281.953	25.974.101.483
10	Tháng 10	9.238.000	9.131.763	851.281.210	328.743.468	10.429.313.468	1.042.931.347	11.472.244.815	9.249.288.790	924.928.879	10.174.217.669
11	Tháng 11	8.261.000	8.165.999	761.250.712	293.975.946	9.326.321.559	932.632.156	10.258.953.715	8.271.094.901	827.109.490	9.098.204.391
12	Tháng 12	6.085.000	6.015.023	560.732.427	216.540.810	6.869.709.077	686.970.908	7.556.679.985	6.092.435.840	609.243.584	6.701.679.424
	Tổng cộng	140.700.000	139.081.950	12.965.497.543	5.006.950.200	158.844.382.439	15.884.438.244	174.728.820.683	140.871.934.697	14.087.193.470	154.959.128.166

Ghi chú: Giá bán điện theo đơn giá điều chỉnh là 1.012,87 đ/kWh.

Phụ lục 2

CHI PHÍ THỰC HIỆN SXKD NĂM 2019 VÀ KẾ HOẠCH CHI PHÍ SXKD NĂM 2020
NHÀ MÁY THUỶ ĐIỆN SỬ PÁN 2

STT	Nội dung chi phí	ĐV	Năm 2019		Kế hoạch chi phí năm 2020	Ghi chú
			Kế hoạch	Thực hiện		
A	TỔNG HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT	Đồng	26.085.733.651	16.425.963.510	27.997.145.564	
A.1	Chi phí O&M (Chưa bao gồm chi phí vật tư thay thế + sửa chữa)	Đồng	17.785.733.651	16.425.963.510	21.597.735.090	
I	Chi phí tiền lương + thưởng	Đồng	8.478.871.651	8.481.448.615	10.456.905.165	
1	Chi phí tiền lương khoán	Đồng	6.470.816.345	7.004.138.048	8.106.905.165	
2	Chi phí BHXH, BHYT, KPCĐ	Đồng	555.405.306	490.810.567	550.000.000	
3	Lương phép, thưởng lễ, tết	Đồng	452.650.000	410.000.000	500.000.000	
4	Thưởng tháng 13	Đồng	500.000.000	576.500.000	650.000.000	
5	Thưởng hoàn thành kế hoạch năm	Đồng	500.000.000		650.000.000	
II	Chi phí phục vụ sản xuất	Đồng	2.362.252.000	1.779.691.443	2.262.942.000	
1	Thuế môn bài	Đồng	3.000.000	3.000.000	3.000.000	
2	Quỹ phòng chống thiên tai	Đồng	409.000.000	100.000.000	50.000.000	
3	Chi phí lập đề án đánh giá tác động, ảnh hưởng của các thủy điện	Đồng			415.000.000	
4	Chi phí điện tự dùng cho sản xuất	Đồng	400.000.000	388.629.109	400.000.000	
5	Trợ cấp CBCNV phải nghỉ việc	Đồng	100.000.000			
6	Chi phí phục vụ sản xuất	Đồng	1.450.252.000	1.288.062.334	1.394.942.000	
-	<i>Khoản chi phí điện thoại, Internet nhà máy SP2</i>	Đồng	<i>100.000.000</i>	<i>85.849.701</i>	<i>90.000.000</i>	
-	<i>Chi phí văn phòng phẩm nhà máy SP2</i>	Đồng	<i>25.000.000</i>	<i>30.667.006</i>	<i>30.000.000</i>	
-	<i>Khoản nhiên liệu xe giám đốc nhà máy SP2</i>	Đồng	<i>48.000.000</i>	<i>49.141.321</i>	<i>80.000.000</i>	
-	<i>Hỗ trợ tiền xăng xe CBCNV nhà máy Sử Pán 2</i>	Đồng	<i>125.000.000</i>	<i>131.800.000</i>	<i>130.000.000</i>	
-	<i>Nhiên liệu phục vụ cho máy phát nhà máy và khu điều hành</i>	Đồng	<i>15.000.000</i>	<i>7.675.748</i>	<i>15.000.000</i>	
-	<i>Chi phí giáo dục đào tạo</i>	Đồng	<i>50.000.000</i>	<i>34.100.000</i>	<i>50.000.000</i>	
-	<i>Tiền ăn ca</i>	Đồng	<i>280.800.000</i>	<i>334.415.000</i>	<i>350.000.000</i>	
-	<i>Chi phí công cụ dụng cụ</i>	Đồng	<i>100.000.000</i>	<i>105.043.375</i>	<i>100.000.000</i>	
-	<i>Trang thiết bị phương tiện phòng cháy chữa cháy</i>	Đồng		<i>11.479.000</i>	<i>20.000.000</i>	
-	<i>Bảo hộ lao động cho CNVH</i>	Đồng	<i>30.000.000</i>	<i>30.024.000</i>	<i>50.000.000</i>	
-	<i>Chi phí khám sức khỏe định kỳ</i>	Đồng	<i>24.000.000</i>	<i>36.000.000</i>	<i>40.000.000</i>	
-	<i>Chi phí quan trắc môi trường</i>	Đồng	<i>92.000.000</i>	<i>40.000.000</i>	<i>40.000.000</i>	
-	<i>Chi phí xử lý dầu thải</i>	Đồng		<i>5.000.000</i>	<i>5.000.000</i>	
-	<i>Cước thuê kênh phục vụ SCADA và thị trường điện và bảo dưỡng thiết bị</i>	Đồng	<i>326.452.000</i>	<i>309.942.000</i>	<i>309.942.000</i>	Thực hiện theo hợp đồng
-	<i>Chi phí sửa xe, máy móc thiết bị và thay lốp xe và chi khác</i>	Đồng	<i>40.000.000</i>	<i>73.017.638</i>	<i>80.000.000</i>	

STT	Nội dung chi phí	ĐV	Năm 2019		Kế hoạch chi phí năm 2020	Ghi chú
			Kế hoạch	Thực hiện		
-	Chi phí làm hệ thống phao chắn rác trước cửa nhận nước	Đồng	180.000.000			
-	Chi phí kiểm định thiết bị	Đồng				
-	Chi phí mua bảo hiểm ô tô xe máy	Đồng	14.000.000	3.907.545	5.000.000	
III	CP quản lý, CP văn phòng	Đồng	2.452.000.000	2.251.367.678	3.026.000.000	
1	Chi phí văn phòng phẩm + đồ dùng hành chính	Đồng	60.000.000	74.895.918	100.000.000	
2	Chi phí điện thoại, fax, internet	Đồng	120.000.000	106.463.493	100.000.000	
3	Chi phí thuê văn phòng Hà Nội	Đồng	168.000.000	290.454.545	600.000.000	
4	Thù lao HĐQT, BKS	Đồng	408.000.000	408.000.000	408.000.000	
5	Chi phí tiếp khách, hội họp (đại hội cổ đông)...	Đồng	800.000.000	660.115.724	700.000.000	
6	Tiền tàu xe, công tác phí	Đồng	60.000.000	136.290.179	130.000.000	
7	Chi phí phô tô in ấn tài liệu	Đồng	80.000.000	68.264.229	80.000.000	
8	Phí giao dịch ngân hàng và phí khác	Đồng	33.000.000	39.076.564	40.000.000	
9	Chi phí nghỉ mát CBCNV	Đồng	185.000.000		300.000.000	
10	Chi phí kiểm toán báo cáo tài chính	Đồng	90.000.000	81.818.182	90.000.000	
11	Chi phí xe con phục vụ	Đồng	260.000.000	166.090.464	200.000.000	
12	Chi phí mua bảo hiểm ô tô xe máy	Đồng	22.000.000	2.154.000	8.000.000	
13	Chi phí tiền điện văn phòng	Đồng	36.000.000	62.829.762	80.000.000	
14	Chi phí ủng hộ địa phương	Đồng	50.000.000	20.000.000	40.000.000	
15	Chi phí sửa xe, máy móc thiết bị và thay lốp xe	Đồng	80.000.000	134.914.618	150.000.000	
IV	Chi phí khác	Đồng	4.492.610.000	3.913.455.774	5.851.887.925	
1	Chi phí bảo hiểm nhà máy SP2	Đồng	850.000.000	553.157.850	553.157.851	Thực hiện theo hợp đồng
2	Chi phí vận hành đường dây 110KV	Đồng	635.110.000	792.338.474	780.914.075	
3	Dầu máy tuabin + vật tư thay thế thường xuyên	Đồng	307.500.000	707.014.601	1.343.616.000	
4	Chi phí gia công sửa chữa vành góp chổi than, vành vai cánh hướng, cánh hướng nước ...	Đồng			474.200.000	
5	Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên tổ máy H2	Đồng	850.000.000			
6	Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên tổ máy H1	Đồng	850.000.000			
7	Chi phí dự phòng khác (chi phí tiền truy thu thuế + CP nhỏ lẻ khác)	Đồng	1.000.000.000	1.860.944.849	1.000.000.000	
8	Đầu tư phí mua sắm TSCĐ	Đồng			1.700.000.000	
A.2	Chi phí sửa chữa, vật tư thay thế theo định kỳ	Đồng	8.300.000.000		6.399.410.474	
1	Vật tư thay thế sửa chữa lớn (phần thiết bị cơ khí)	Đồng	2.000.000.000		1.511.314.000	
2	Vật tư thay thế sửa chữa lớn (phần thiết bị thiết bị điện)	Đồng			617.625.000	

STT	Nội dung chi phí	ĐV	Năm 2019		Kế hoạch chi phí năm 2020	Ghi chú
			Kế hoạch	Thực hiện		
3	Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa tổ máy H1, H2 và H3 (phần thuê chuyên gia căn chỉnh tổ máy)	Đồng	1.500.000.000		195.000.000	
4	Chi phí thí nghiệm định kỳ nhà máy	Đồng	850.000.000		875.471.474	
5	Chi phí kết nối rơ le bảo vệ so lệch đường dây 110kV (theo yêu cầu của A1)	Đồng	600.000.000			
6	Chi phí lạo vét lòng hồ	Đồng	3.000.000.000		3.000.000.000	Tạm tính (KL cần lạo vét đất, đá trên 30 nghìn m3)
7	Chi phí kiểm định an toàn đập	Đồng	350.000.000		200.000.000	
B	CHI PHÍ SỬA CHỮA CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG ĐÃ HOÀN THÀNH	Đồng	15.820.000.000	10.216.648.903	9.000.000.000	
1	Chi phí thuê tư vấn khảo sát, lập phương án xử lý sạt trượt toàn bộ đường ống áp lực nhà máy thủy điện Sừ Pán 2	Đồng	2.520.000.000	3.774.888.182		
2	Lắp đặt hệ thống cảnh báo tự động đóng van đĩa khi đường ống áp lực gặp sự cố	Đồng	610.000.000			
3	Gia cố ổn định tuyến đường ống áp lực đoạn MN7-8	Đồng	8.000.000.000	1.767.631.409	6.000.000.000	Thực hiện theo nghị quyết HĐQT năm 2019
4	Đền bù GPMB Tuyến đường vào khu vận hành nhà máy theo hướng Bàn Hồ	Đồng		649.624.000		
4	Đường vào khu vận hành nhà máy theo hướng Bàn Hồ	Đồng	2.000.000.000	2.083.406.826		
5	Chi phí sửa chữa cống xả cát	Đồng	600.000.000	560.135.873		
6	Chi phí xây lắp gia cố nền đường ống áp lực đoạn MN1-2	Đồng	610.000.000	1.380.962.613		
7	Chi phí sửa chữa, nâng cấp hệ thống phòng cháy, chữa cháy của nhà máy.	Đồng	480.000.000			
8	Chi phí quy hoạch sân vườn nhà máy				1.000.000.000	
9	Chi phí dự phòng	Đồng	1.000.000.000		2.000.000.000	
*	Tổng cộng chi phí	Đồng	41.905.733.651	26.642.612.413	36.997.145.564	



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2019 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020
Công ty cổ phần Thủy điện Sử Pán 2

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty CP Thủy điện Sử Pán 2 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 29/6/2018 thông qua;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 496/2020/BCKT-AAC ngày 26/03/2020).

Thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thủy điện Sử Pán 2 báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 về kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019 như sau:

I. Đánh giá việc thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2019:

1. Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019:

Một số chỉ tiêu chính về kết quả hoạt động SXKD năm 2019 theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 496/2020/BCKT-AAC ngày 26/03/2020 về kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 do Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC thực hiện, cụ thể như sau:

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	TH/KH (%)	Ghi chú
1	Sản lượng điện thương phẩm	10 ⁶ KWh	139,10	144,2	103,7%	
2	Doanh thu:	10 ⁶ đồng	157.923	149.098	94,4%	
-	Doanh thu từ sản xuất điện năng	10 ⁶ đồng	139.069	128.103	92,1%	
-	Doanh thu khác	10 ⁶ đồng	1.882	2.512	133,5%	

-	Thuế Tài nguyên, Phí DVMTR	10 ⁶ đồng	16.973	18.483	108,9%	
3	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁶ đồng	5.519	3.157	57,2%	
4	Nộp NSNN	10 ⁶ đồng	31.132	32.297	103,7%	
5	Chi phí SXKD	10 ⁶ đồng	152.405	145.941	95,8%	
	Trong đó:					
-	Chi phí khấu hao	10 ⁶ đồng	47.700	53.984		
-	Chi phí lãi vay	10 ⁶ đồng	62.600	53.589		

Ghi chú:

- Kế hoạch năm 2019 được lấy theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 26/6/2019.
- Cột thực hiện: Được lấy theo số liệu trong Báo cáo kiểm toán độc lập.
- Sản lượng điện thương phẩm vượt 4% so với kế hoạch, doanh thu bán điện không đạt so với kế hoạch do Công ty chưa hoàn thành việc điều chỉnh giá bán điện như kế hoạch đã đề ra trong năm 2019
- Lợi nhuận sau thuế chưa đạt kỳ vọng như đã đề ra.
- Tháng 03/2020 vừa qua, Công ty đã hoàn thành việc điều chỉnh tăng giá bán điện cho Nhà máy thủy điện Sứ Pán 2, do vậy doanh thu và lợi nhuận của Công ty trong năm 2019 sẽ được hồi tố lại và tăng thêm với tổng số tiền là 24,2 tỷ đồng trong năm 2020.

2. Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2019:

- Công ty lựa chọn và thực hiện ký hợp đồng với Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC theo Nghị quyết của ĐHĐCD thường niên năm 2019 và đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty.

3. Chi trả tiền lương, thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát năm 2019:

- Năm 2019, Công ty thực hiện trả lương khoán cho cán bộ công nhân viên trong Công ty. Tuy nhiên, Công ty chưa xây dựng Quy chế trả lương và thù lao để áp dụng thống nhất trong Công ty.
- Công ty chưa thực hiện chi trả thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2019 theo kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông qua.
- Trong năm Công ty đã chi trả thù lao 06 tháng đầu năm 2018.

II. Về công tác kế toán và tình hình tài chính của Công ty:

- Số liệu theo Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC:

ĐVT: Triệu đồng

TÀI SẢN		31/12/2018	01/01/2019	31/12/2019	Thay đổi
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	88,733	88,733	82,098	-6,635
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	19,663	19,663	14,506	-5,157
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	68,242	68,242	66,931	-1,311
IV.	Hàng tồn kho	0	0	0	0
V.	Tài sản ngắn hạn khác	828	828	661	-167
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	825,724	825,724	777,880	-47,844
I.	Các khoản phải thu dài hạn	49	49	49	0
II.	Tài sản cố định	812,641	812,641	758,707	-53,934
	<i>Nguyên giá TSCĐ</i>	<i>1,153,484</i>	<i>1,153,484</i>	<i>1,153,534</i>	<i>50</i>
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>-340,842</i>	<i>-340,842</i>	<i>-394,827</i>	<i>-53,985</i>
III.	Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	5,734	5,734	8,468	2,734
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	3,221	3,221	3,221	0
VI.	Tài sản dài hạn khác	4,077	4,077	7,434	3,357
Tổng cộng tài sản			914,457	859,978	-54,479
NGUỒN VỐN			01/01/19	31/12/19	Thay đổi
A.	NỢ PHẢI TRẢ	1,038,761	1,038,761	981,125	-57,636
I.	<i>Nợ ngắn hạn</i>	<i>202,426</i>	<i>482,638</i>	<i>492,719</i>	<i>10,081</i>
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	66,994	66,994	35,320	-31,674
2	Phải trả người bán ngắn hạn	109,749	109,749	99,133	-10,616
3	Nợ định kỳ (Nợ ngắn hạn khác)	25,683	305,895	358,266	52,371
II.	<i>Nợ dài hạn</i>	<i>836,334</i>	<i>556,123</i>	<i>488,406</i>	<i>-67,717</i>
1	Chi phí phải trả dài hạn	280,211			0
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	532,040	532,040	466,226	-65,814
3	Nợ dài hạn khác	24,083	24,083	22,180	-1,903
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	-124,304	-124,304	-121,147	3,157
I.	<i>Vốn chủ sở hữu</i>	<i>-124,304</i>	<i>-124,304</i>	<i>-121,147</i>	<i>3,157</i>
1	Vốn góp của chủ sở hữu	152,460	152,460	152,460	0
2	Thặng dư vốn cổ phần	0	0	0	0
3	Cổ phiếu quỹ	-2,522	-2,522	-2,522	0
4	LNST chưa phân phối và các quỹ khác	-274,242	-274,242	-271,085	3,157
II	<i>Nguồn kinh phí và quỹ khác</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
Tổng cộng nguồn vốn			914,457	859,978	-54,479

Ghi chú:

- Cột 31/12/2018 được lấy số liệu từ Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán AAC.
- Cơ cấu nợ phải trả ngày 31/12/2018 có sự thay đổi so với cơ cấu nợ ngày ngày 01/01/2019, theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 496/2020/BCKT-AAC ngày 26/3/2020 về kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty TNHH

Kiểm toán và Kế toán AAC toàn bộ chi phí trả trước dài hạn được chuyển lên theo dõi ở mục chi phí trả trước ngắn hạn. Đây là khoản lãi vay phải trả ngân hàng.

- Một số vấn đề được nêu trong phần ý kiến kiểm toán trái ngược đã được Công ty giải trình tại Văn bản số 52/SP2-TCKT ngày 26/3/2020 gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, và đã được đăng tải trên trang web của Công ty.

III. Việc phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Bộ máy quản lý của Công ty:

- Các công việc thường xuyên: Việc phối hợp hoạt động thông qua cung cấp thông tin theo quy định tại Điều 166 Luật Doanh nghiệp chưa được chặt chẽ, chẳng hạn như việc phối hợp theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 – Điều 166 Luật Doanh nghiệp chưa được triển khai thực hiện từ khi các thành viên Ban Kiểm soát hiện tại được bổ nhiệm.

IV. Một số hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2019

Hoạt động của Ban Kiểm soát tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và theo các quy định của Nhà nước hiện hành. Công tác triển khai thực hiện việc giám sát, kiểm tra kiểm soát trong Công ty được thực hiện theo kế hoạch năm 2019 đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Trong quá trình làm việc, Ban Kiểm soát thường xuyên phối hợp, trao đổi công việc qua phương tiện email, điện thoại để hoạt động Ban Kiểm soát được thực hiện kịp thời, liên tục và đạt hiệu quả.

Một số hoạt động cụ thể:

1. Tổ chức các cuộc họp của Ban Kiểm soát triển khai các công việc của Ban Kiểm soát;
2. Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, cuộc họp ĐHĐCĐ nhằm nắm bắt kịp thời tình hình kinh doanh thực tế của Công ty và có những góp ý, ý kiến về những vấn đề cần lưu ý trong hoạt động SXKD của Công ty;
3. Kiểm tra các vấn đề theo kiến nghị của cổ đông lớn:

Ban Kiểm soát đã tích cực phối hợp với các cấp lãnh đạo Công ty và các bộ phận liên quan trong Công ty kiểm tra các vấn đề theo yêu cầu của cổ đông lớn. Tuy nhiên, do các vấn đề cổ đông lớn yêu cầu kiểm tra có khối lượng công việc rất lớn và cần nhiều người cùng tham gia, bên cạnh đó, Ban Kiểm soát hoạt động kiêm nhiệm, và việc kiểm tra của Ban Kiểm soát theo quy định không được ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của Công ty, và hồ sơ cần cung cấp để kiểm tra theo kiến nghị của cổ đông lớn là rất nhiều nên Công ty chưa kịp cung cấp đủ,... nên tính đến thời điểm hiện tại, Ban Kiểm soát chỉ hoàn thành việc kiểm tra khoản chi 9,2 tỷ đồng và đã có Văn bản số 06/SP2/BKS ngày 02/5/2019 báo cáo

cổ đông lớn. Trong năm Công ty đã hạch toán bù trừ công nợ với công ty Sông Đà 7.02 ngày 01/07/2019.

Với những vấn đề khác cổ đông lớn yêu cầu kiểm tra do các vấn đề đã phát sinh qua nhiều năm nên việc xem xét các vấn đề cần tiếp xúc lại từ đầu và cần phải có sự phối hợp giữa Ban Kiểm soát Công ty; đại diện các phòng liên quan trong Công ty; đại diện lãnh đạo và nhân viên các bộ phận nghiệp vụ (kiểm soát nội bộ, tài chính kế toán, kỹ thuật, kinh tế, pháp chế) của các cổ đông lớn.

V. Nhận xét, kiến nghị:

1. Công tác tài chính:

Theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty, tính đến 31/12/2019, Công ty đã âm vốn chủ sở hữu 121,1 tỷ đồng, lỗ lũy kế 271,08 tỷ đồng, rất khó khăn về tài chính.

Để nhanh chóng cải thiện tình hình tài chính của Công ty, đề nghị Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty triển khai đồng thời một số công việc như:

- Chủ động hoặc phối hợp với các cổ đông lớn tìm ra các giải pháp để bổ sung nguồn vốn cho Công ty nhằm trả bớt nợ các khoản vay ngân hàng có lãi suất cao, trả nợ nhà thầu đã quá hạn.
- Chủ động hoặc phối hợp với các cổ đông lớn làm việc với các tổ chức tín dụng để giảm bớt tỷ lệ lãi suất cho khoản tiền vay còn lại.
- Tìm ra các giải pháp hữu hiệu để thu hồi các khoản nợ, các khoản bồi thường của Công ty.

2. Tiền lương, thù lao:

Đề nghị Công ty xây dựng Quy chế trả lương và thù lao cho cán bộ công nhân viên của Công ty.

Đối với thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty: Các năm gần đây, các chức danh kiêm nhiệm trong Công ty vẫn chưa nhận được thù lao theo quy định và theo phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông thường niên các năm. Đề nghị Công ty rà soát lại thù lao của các chức danh kiêm nhiệm trong Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty năm 2019 và các năm trước, và thực hiện chi trả thù lao cho các chức danh kiêm nhiệm theo phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông. Đối với thù lao nằm trong kế hoạch, chưa được Đại hội cổ đông phê duyệt quyết toán thì đề nghị tạm ứng theo quý hoặc tháng (vào tháng đầu của quý tiếp theo).

Đối với khoản thù lao đã chi không đúng đối tượng đề nghị Công ty có biện pháp thu hồi và/hoặc xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Công tác ghi chép và lưu trữ sổ sách chứng từ kế toán:

Đề nghị thực hiện các nghiệp vụ phát sinh và lưu trữ sổ sách chứng từ kế toán tuân thủ theo Luật Kế toán và các quy định hiện hành.

4. Các vấn đề khác:

Đối với các tổn thất, lỗ do thanh lý và/hoặc tạm dừng các dự án, đề nghị ban lãnh đạo Công ty chủ động phối hợp các cổ đông lớn và các đối tượng liên quan để thống nhất các giải pháp xử lý dứt điểm theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, đề nghị Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật và các quy định nội bộ của Công ty.

VI. Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020:

- Xem xét, thẩm định báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính quý, năm của Công ty năm 2020;
- Lập báo cáo của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020; Báo cáo kết quả của Ban Kiểm soát năm 2019 và phương hướng, kế hoạch năm 2020.
- Kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT nhằm đảm bảo tính thực thi và tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty.
- Kiểm tra tính tuân thủ và tình hình quản lý tài chính của Công ty.
- Thực hiện kiểm tra đột xuất theo yêu cầu của cổ đông lớn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trên đây là báo cáo của Ban Kiểm soát về tình hình hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Thủy điện Sứ Pán 2 và kế hoạch làm việc của Ban Kiểm soát năm 2020. Ban Kiểm soát xin trân trọng báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên, đề nghị Quý cổ đông xem xét, đóng góp ý kiến để Ban Kiểm soát hoạt động ngày càng đạt kết quả tốt hơn.

Kính chúc Công ty ngày càng phát triển, ổn định và bền vững, chúc Quý vị cổ đông dồi dào sức khỏe, chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT Công ty;
- Ban TGD Công ty;
- Các TV BKS;
- Lưu BKS, VP Cty.

TM. BAN KIỂM SOÁT



LÊ ĐÌNH QUÝ



VI THỊ PHƯƠNG ANH



Số: 02../TTr-SP2-HĐQT

Lào Cai, ngày 18 tháng 5 năm 2020

**TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2
Về việc thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2019**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần thủy điện Sử Pán 2,

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty Cổ phần thủy điện Sử Pán 2, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC.

Báo cáo tài chính năm 2019 đã được công bố thông tin theo quy định, đồng thời được đăng tải trên website của Công ty (www.songdahoanglien.net) bao gồm:

1. Báo cáo kiểm toán độc lập;
2. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019;
3. Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2019;
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
5. Thuyết minh báo cáo tài chính.


Trong đó:

Một số chỉ tiêu cơ bản trong Báo cáo tài chính năm 2019

STT	Các chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Năm 2019
1	Tổng tài sản	đồng	859.978.531.898
2	Doanh thu thuần	đồng	148.487.226.482
3	Lợi nhuận trước thuế	đồng	3.157.889.905
4	Lợi nhuận sau thuế	đồng	3.157.889.905

(Có Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019 kèm theo)

Trân trọng!

Nơi nhận: 

- ĐHĐCĐ;
- TV HĐQT, BKS;
- Lưu: Văn phòng.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch



Mai Huy Tuấn



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN
SỬ PÁN 2**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 6
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	7 - 8
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 32



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Sử Pán 2 công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Thủy điện Sử Pán 2 (trước đây là Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà – Hoàng Liên) (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 1203000045 ngày 09/03/2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 14 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 07/01/2019 với mã số doanh nghiệp 5300226455.

Công ty được chấp thuận giao dịch cổ phiếu phổ thông trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 595/QĐ-SGDHN ngày 21/09/2016 với mã chứng khoán là SP2.

Vốn điều lệ: 420.000.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2019: 152.460.000.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Thôn Hoàng Liên, Xã Bản Hồ, Huyện Sa Pa, Tỉnh Lào Cai
- Điện thoại: (84) 0203871727
- Fax: (84) 0203873079

Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Tư vấn giám sát xây dựng và lắp đặt thiết bị các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị;
- Quản lý dự án công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, các công trình kỹ thuật đô thị;
- Lập quy hoạch tổng thể và quy hoạch chi tiết các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị;
- Khảo sát địa hình, địa chất công trình và địa chất thủy văn công trình;
- Lập dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị;
- Thiết kế các công trình thủy công, thủy lợi, thủy điện, nhà máy thủy điện;
- Thiết kế các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, công trình cấp, thoát nước, cơ điện công trình;
- Thẩm định thiết kế và tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, công trình giao thông, các công trình kỹ thuật đô thị;
- Tư vấn lập hồ sơ mời thầu xây lắp, hồ sơ mời thầu thiết bị các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị;
- Đầu tư xây lắp các công trình thủy điện vừa và nhỏ, sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình điện; kinh doanh bất động sản; kinh doanh dịch vụ du lịch, khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng và văn phòng cho thuê;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lắp đặt cầu kiện bê tông, kết cấu thép, các thiết bị điện nước; sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng;
- Khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản;
- Thi công xây lắp đường dây và trạm biến áp 110KV; sửa chữa các thiết bị điện và gia công cơ khí; hướng dẫn đào tạo công nhân vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ, thi công lắp đặt hệ thống điện nước, thông tin.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 42 người. Trong đó, nhân viên quản lý là 15 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|-------------------------|------------|--|
| • Ông Mai Huy Tuấn | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 20/05/2016 |
| • Ông Khương Đức Dũng | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 29/06/2017 |
| • Ông Phạm Sỹ Long | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 31/01/2018 |
| • Ông Nguyễn Xuân Hồng | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 27/03/2019 |
| • Ông Nguyễn Quang Luân | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 27/03/2019 |
| • Ông Trần Văn Huyền | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 06/12/2017
Miễn nhiệm ngày 27/03/2019 |
| • Ông Đỗ Quang Lợi | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 31/01/2018
Miễn nhiệm ngày 27/03/2019 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|------------------------|------------|--|
| • Ông Ninh Văn Khương | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 09/08/2018 |
| • Ông Lê Đình Quý | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 27/03/2019 |
| • Bà Vi Thị Phương Anh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 27/03/2019 |
| • Ông Lê Biên Cường | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 09/08/2018
Miễn nhiệm ngày 27/03/2019 |
| • Bà Trần Thị Xuân | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 14/06/2018
Miễn nhiệm ngày 27/03/2019 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|------------------------|---------------|--|
| • Ông Nguyễn Xuân Hồng | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/01/2019 |
| • Ông Vương Thanh Tùng | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 02/04/2018
Miễn nhiệm ngày 01/01/2019 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

• Ông Phạm Sỹ Long	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05/04/2018
• Ông Khương Đức Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/09/2018
• Ông Bùi Quế Lâm	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03/12/2018
• Ông Nguyễn Khả Lộc	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2015 Miễn nhiệm ngày 01/03/2020
• Ông Kim Văn Sỹ	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01/03/2020
• Ông Phạm Đình Dương	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01/09/2018 Miễn nhiệm ngày 02/04/2019

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Nguyễn Xuân Hồng
Lào Cai, ngày 26 tháng 03 năm 2020



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 496/2020/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Sứ Pán 2

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 26/03/2020 của Công ty Cổ phần Thủy điện Sứ Pán 2 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 7 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Như trình bày tại mục (c) của Thuyết minh số 10.a, giá trị bị cắt giảm khi quyết toán công trình thủy điện Sứ Pán 2 là 903.583.761 đồng, Công ty xác định sẽ thu lại của các nhà thầu và hiện theo dõi tại khoản mục “Phải thu khác”. Cho đến thời điểm hiện nay, Công ty chưa xác định được đối tượng nợ và số tiền phải thu cụ thể của từng đối tượng. Với các tài liệu kế toán được tiếp cận, kiểm toán viên không đủ cơ sở để đưa ra ý kiến về khoản nợ này.
- Như trình bày tại mục (a) của Thuyết minh 10.a, Báo cáo tài chính đính kèm hiện ghi nhận một khoản nợ phải thu Công ty TNHH MTV Thủy điện Sa Pa (17.565.791.788 đồng) theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 03/2014/QĐST-DS ngày 05/11/2014 của Tòa án nhân dân Huyện Sa Pa. Tuy nhiên, ngày 18/7/2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã có Quyết định giám đốc thẩm số 39/2019/DS-GĐT tuyên hủy toàn bộ Quyết định số 03/2014/QĐST-DS nêu trên và giao hồ

■ Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:

47 - 49 Hoàng Sa (Tầng 4, Tòa nhà Hoàng Đan), Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Tel: +84 (28) 3910 2235; Fax: +84 (28) 3910 2349

■ Chi nhánh tại Hà Nội:

Số 09 phố Duy Tân, (Tầng 6, Tòa nhà Việt Á), Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: +84 (24) 3224 2403; Fax: +84 (24) 3224 2402

sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm lại. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính đúng đắn của khoản nợ phải thu nêu trên.

3. Về việc ghi nhận tổn thất do bị chấm dứt các dự án đã đầu tư:
 - a. Như trình bày tại mục (b) của Thuyết minh số 10.a, dự án thủy điện Nậm Cùn, Xã Thanh Phú, Huyện Sa Pa, Tỉnh Lào Cai của Công ty đã được thanh lý năm 2016. Tuy nhiên, khoản lỗ phát sinh từ giao dịch thanh lý này (14.654.688.095 đồng) chưa được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016 mà hiện phản ánh tại khoản mục “Phải thu ngắn hạn khác” là không phù hợp với quy định hiện hành.
 - b. Như trình bày tại Thuyết minh số 14, chi phí đầu tư xây dựng các dự án thủy điện Sừ Pán 1 và dự án Thủy điện tại Văn Bàn hiện ghi nhận tại khoản mục “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang” của Báo cáo tài chính đính kèm là 5.734.323.803 đồng (Trong đó: dự án thủy điện Sừ Pán 1 là 3.759.509.643 đồng và Văn Bàn là 1.974.814.160 đồng). Đây là hai dự án đã bị chấm dứt chủ trương đầu tư theo các Công văn số 3142/UBND-CN ngày 10/12/2009 và 4271/UBND-TH ngày 04/11/2013 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Lào Cai. Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện nay, Công ty vẫn chưa ghi nhận giá trị tổn thất của các dự án nêu trên vào Báo cáo tài chính là không đúng quy định của Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.
4. Công ty chưa trích lập đầy đủ dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính. Nếu hạch toán đúng quy định, số dự phòng cần trích lập năm 2019 là 1.528.502.287 đồng, lũy kế dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập đến 31/12/2019 là 1.978.938.813 đồng.
5. Như trình bày tại mục (*) của Thuyết minh số 21.a, Công ty chưa ghi nhận lãi phải trả năm 2019 đối với nợ gốc vay (15.000.000.000 đồng) và nợ phải trả người bán (1.183.397.247 đồng) của Tổng Công ty Sông Đà – CTCP. Do hạn chế phạm vi kiểm toán từ phía Công ty, chúng tôi không thể thực hiện thủ tục gửi thư xác nhận số nợ gốc vay, nợ phải trả người bán và nợ lãi đối với Tổng Công ty Sông Đà – CTCP. Với các tài liệu kế toán được cung cấp hiện nay, kiểm toán viên cũng không xác định được lãi vay trả năm 2019 đối với các khoản nợ nêu trên.
6. Ngoại trừ các khoản nợ đã trình bày tại mục (1), (2), (3.a) và mục (5), tại ngày 31/12/2019, nợ phải thu, phải trả chưa được đối chiếu, xác nhận lần lượt là 5.737.292.255 đồng và 22.114.758.602 đồng. Do hạn chế phạm vi kiểm toán từ phía Công ty, kiểm toán viên không thể thực hiện gửi thư đối chiếu các khoản nợ nêu trên. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu của khoản nợ nêu trên.

Nếu hạch toán đầy đủ các khoản chi phí tại mục (3) và (4) nêu trên thì khoản mục “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019 sẽ lãi 1.629.387.618 đồng chứ không phải lãi 3.157.889.905 đồng; đồng thời khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019 sẽ lỗ (293.452.617.080) đồng thay vì lỗ (271.084.666.369) đồng như đã trình bày trên Báo cáo tài chính đính kèm.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

1. Như đã trình bày tại mục (*) của Thuyết minh số 17, Cục thuế Tỉnh Lào Cai đã có Biên bản làm việc với Công ty về các khoản truy thu liên quan đến thuế GTGT của Dự án Thủy điện Nậm Cùn. Theo đó, Cục thuế sẽ tiếp tục có báo cáo đề xuất không truy thu thuế GTGT đối với dự án Thủy điện Nậm Cùn (số tiền: 4.938.235.141 đồng) và xin ý kiến hướng dẫn chỉ đạo của Tổng cục thuế về vấn đề này. Tuy nhiên cho đến nay, Tổng cục thuế vẫn chưa có văn bản trả lời. Do đó, khoản tiền thuế GTGT bị truy thu, tiền phạt và tiền chậm nộp liên quan đến Dự án thủy điện Nậm Cùn mà Công ty phải nộp sẽ phụ thuộc vào kết luận cuối cùng của Tổng cục thuế.
2. Như trình bày tại mục (@) của Thuyết minh số 22.a, Vốn điều lệ đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 ngày 07/01/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai là 420.000.000.000 đồng, tuy nhiên, vốn thực tế góp của các cổ đông đến thời điểm 31/12/2019 là 152.460.000.000 đồng.
3. Chúng tôi xin lưu ý vấn đề được trình bày tại mục 4 của Thuyết minh báo cáo tài chính: Lỗ lũy kế tính đến thời điểm 31/12/2019 là 271.084.666.369 đồng, vốn chủ sở hữu của Công ty đã âm 121.146.366.369 đồng, nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn là 410.621.329.489 đồng. Các điều kiện này cùng với các vấn đề khác được nêu trong Thuyết minh số 4, cho thấy sự tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Theo đó, khả năng hoạt động của Công ty phụ thuộc vào việc có lãi trong tương lai và/hoặc sự hỗ trợ tài chính từ các cổ đông để đảm bảo cho Công ty có đủ nguồn lực tiếp tục hoạt động bình thường trong các năm tiếp theo.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.



Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2018-010-1

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 03 năm 2020

Phạm Thị Tươi – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3669-2016-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 01 – DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		82.097.746.222	88.733.003.004
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	14.505.518.861	19.663.146.636
1. Tiền	111		14.505.518.861	19.663.146.636
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		66.930.739.763	68.242.072.385
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	15.583.495.207	17.606.657.479
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	5.032.891.729	6.591.174.910
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	11.120.000.000	9.200.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10.a	36.019.352.827	35.669.239.996
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(825.000.000)	(825.000.000)
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		661.487.598	827.783.983
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	283.943.784	7.754.536
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	815.049.273
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	377.543.814	4.980.174
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		777.880.785.676	825.723.800.047
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		49.815.000	49.815.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	10.b	49.815.000	49.815.000
II. Tài sản cố định	220		758.706.678.915	812.641.388.353
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	758.706.678.915	812.641.388.353
- Nguyên giá	222		1.153.533.680.533	1.153.483.990.533
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(394.827.001.618)	(340.842.602.180)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		8.467.354.589	5.734.323.803
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	8.467.354.589	5.734.323.803
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		3.220.590.623	3.220.590.623
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	15	4.000.000.000	4.000.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	15	(1.069.409.377)	(1.069.409.377)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		290.000.000	290.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		7.436.346.549	4.077.682.268
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	7.436.346.549	4.077.682.268
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		859.978.531.898	914.456.803.051

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		981.124.898.267	1.038.761.059.325
I. Nợ ngắn hạn	310		492.719.075.711	482.637.768.352
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	99.133.073.183	109.748.638.330
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	1.490.206.543	3.178.587.867
3. Phải trả người lao động	314		2.063.197.000	1.766.117.286
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	346.422.682.666	292.760.660.041
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	19.a	1.902.748.414	1.902.748.414
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	20.a	6.387.390.111	6.287.458.620
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21.a	35.319.777.794	66.993.557.794
II. Nợ dài hạn	330		488.405.822.556	556.123.290.973
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	19.b	20.930.232.556	22.832.980.973
2. Phải trả dài hạn khác	337	20.b	1.250.000.000	1.250.000.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21.b	466.225.590.000	532.040.310.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(121.146.366.369)	(124.304.256.274)
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	(121.146.366.369)	(124.304.256.274)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	22	152.460.000.000	152.460.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		152.460.000.000	152.460.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Cổ phiếu quỹ	415	22	(2.521.700.000)	(2.521.700.000)
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	22	(271.084.666.369)	(274.242.556.274)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(274.242.556.274)	(265.512.474.469)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.157.889.905	(8.730.081.805)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		859.978.531.898	914.456.803.051



Nguyễn Xuân Hồng

Lào Cai, ngày 26 tháng 03 năm 2020

Kế toán trưởng

Kim Văn Sỹ

Người lập biểu

Bùi Lan Hương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 02 – DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	23	148.487.226.482	148.965.519.995
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		148.487.226.482	148.965.519.995
4. Giá vốn hàng bán	11	24	84.891.110.134	83.730.052.396
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>63.596.116.348</u>	<u>65.235.467.599</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	321.075.033	26.125.458
7. Chi phí tài chính	22	26	53.589.161.806	64.896.521.737
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23	26	53.589.161.806	64.896.521.737
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	5.989.071.776	6.588.704.160
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>4.338.957.799</u>	<u>(6.223.632.840)</u>
11. Thu nhập khác	31	28	288.800.455	762.955.981
12. Chi phí khác	32	29	1.469.868.349	3.269.404.946
13. Lợi nhuận khác	40		<u>(1.181.067.894)</u>	<u>(2.506.448.965)</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>3.157.889.905</u>	<u>(8.730.081.805)</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>3.157.889.905</u>	<u>(8.730.081.805)</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	210	(580)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	31	210	(580)



Nguyễn Xuân Hồng

Lào Cai, ngày 26 tháng 03 năm 2020

Kế toán trưởng

Kim Văn Sỹ

Người lập biểu

Bùi Lan Hương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 03 – DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.157.889.905	(8.730.081.805)
- Khấu hao Tài sản cố định	02	13	53.984.399.438	53.941.695.256
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	25	(321.075.033)	(789.081.439)
- Chi phí lãi vay	06	26	53.589.161.806	64.896.521.737
3. Lợi nhuận từ HĐ KD trước thay đổi vốn lưu động	08		110.410.376.116	109.319.053.749
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		3.673.818.255	3.206.522.447
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(4.536.822.864)	3.997.949.910
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(3.634.853.529)	(4.085.436.804)
- Tiền lãi vay đã trả	14	18;26	-	(28.096.245.959)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		105.912.517.978	84.341.843.343
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(2.782.720.786)	(5.018.204.487)
2. Tiền thu từ TLÝ, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		-	13.531.818.182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(11.120.000.000)	(9.490.000.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	25	321.075.033	26.125.458
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(13.581.645.753)	(950.260.847)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		-	2.490.245.959
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	21	(97.488.500.000)	(38.750.000.000)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	(30.835.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(97.488.500.000)	(67.094.754.041)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(5.157.627.775)	16.296.828.455
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	6	19.663.146.636	3.366.318.181
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		14.505.518.861	19.663.146.636



Nguyễn Xuân Hồng

Lào Cai, ngày 26 tháng 03 năm 2020

Kế toán trưởng

Kim Văn Sỹ

Người lập biểu

Bùi Lan Hương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Thủy điện Sử Pán 2 (trước đây là Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà – Hoàng Liên) (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 1203000045 ngày 09/03/2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 14 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 07/01/2019 với mã số doanh nghiệp 5300226455.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Tư vấn giám sát xây dựng và lắp đặt thiết bị các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị;
- Quản lý dự án công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, các công trình kỹ thuật đô thị;
- Lập quy hoạch tổng thể và quy hoạch chi tiết các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị;
- Khảo sát địa hình, địa chất công trình và địa chất thủy văn công trình;
- Lập dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị;
- Thiết kế các công trình thủy công, thủy lợi, thủy điện, nhà máy thủy điện;
- Thiết kế các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, công trình cấp, thoát nước, cơ điện công trình;
- Thẩm định thiết kế và tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, công trình giao thông, các công trình kỹ thuật đô thị;
- Tư vấn lập hồ sơ mời thầu xây lắp, hồ sơ mời thầu thiết bị các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị;
- Đầu tư xây lắp các công trình thủy điện vừa và nhỏ, sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình điện; kinh doanh bất động sản; kinh doanh dịch vụ du lịch, khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng và văn phòng cho thuê;
- Lắp đặt cấu kiện bê tông, kết cấu thép, các thiết bị điện nước; sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng;
- Khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản;
- Thi công xây lắp đường dây và trạm biến áp 110KV; sửa chữa các thiết bị điện và gia công cơ khí; hướng dẫn đào tạo công nhân vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ, thi công lắp đặt hệ thống điện nước, thông tin.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Khả năng hoạt động liên tục

Đến thời điểm 31/12/2019, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty âm 271.084.666.369 đồng, vốn chủ sở hữu đã âm 121.146.366.369 đồng, nợ ngắn hạn của Công ty cũng vượt quá tài sản ngắn hạn là 410.621.329.489 đồng. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Theo đó, Công ty có thể sẽ không thực hiện được giá trị tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong điều kiện kinh doanh bình thường.

Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty nhận thấy dòng lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh nhiều năm gần đây nhất vẫn có giá trị dương. Hội đồng quản trị Công ty đang nỗ lực tìm kiếm các cổ đông chiến lược có nguồn tài chính vững mạnh, xây dựng các phương án tăng vốn Điều lệ (hiện nay, Công ty vẫn chưa góp đủ vốn điều lệ đã đăng ký) trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Công ty cũng đồng thời tiếp tục làm việc với ngân hàng để cơ cấu trả nợ phần lãi và gốc, giảm lãi vay. Các giải pháp trên nhằm đảm bảo cho Công ty có đủ nguồn lực tiếp tục hoạt động bình thường trong các năm tiếp theo.

Hiện nay, nợ phải trả ngân hàng hiện chiếm trên 80% tổng nợ phải trả của Công ty. Trên thực tế, phía ngân hàng cũng đã tạo điều kiện để công ty duy trì hoạt động, ưu tiên trả gốc trước, cho hạn cuối trả lãi vay đến năm 2025, đồng thời tiền lương, nợ nhà cung cấp phát sinh trong kỳ từ hoạt động kinh doanh thường xuyên trong kỳ cũng được ngân hàng ưu tiên cho thanh toán trước khi trừ nợ gốc vay phải trả.

Với các nhận định nêu trên, Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá một cách thận trọng về kế hoạch dòng tiền, nguồn tài chính và khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

5. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5.2 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua.
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính. Theo đó, dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng có khả năng không đòi được.

5.3 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc, thiết bị	6 – 20
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 8

5.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là trái phiếu mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng có khả năng không đòi được. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính.

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là một doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của công ty liên kết

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

nhưng không phải kiểm soát hoặc đồng kiểm soát các chính sách này. Mỗi quan hệ là công ty liên kết thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn của Công ty.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

5.5 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty :

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

5.6 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

5.7 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

5.8 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện tại Công ty là tiền nhận trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán đối với các dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng được phân bổ theo số kỳ mà Công ty đã nhận tiền trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5.9 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

5.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

5.11 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
- ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế

5.12 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

5.13 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

5.14 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

5.15 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

5.16 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

5.17 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
 - ✓ Đối với sản phẩm điện thương phẩm: Áp dụng thuế suất 10%;
 - ✓ Đối với các hàng hóa và dịch vụ khác: Áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng thuế suất 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

5.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019	01/01/2019
Tiền mặt	1.819.006.575	4.019.247.615
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.686.512.286	15.643.899.021
Cộng	14.505.518.861	19.663.146.636

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2019	01/01/2019
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	15.583.495.207	16.924.337.979
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 299	-	682.319.500
Cộng	15.583.495.207	17.606.657.479

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Công ty CP Xây lắp Sông Đà - Hoàng Liên	2.065.821.581	2.065.821.581
Công ty TNHH Phú Đức	875.036.951	875.036.951
Công ty TNHH MTV Phương Bắc	429.502.741	-
Công ty TNHH MTV Quảng Ly	217.000.000	-
Các đối tượng khác	1.445.530.456	3.650.316.378
Cộng	5.032.891.729	6.591.174.910

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trong đó: Trả trước cho người bán là bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2019	01/01/2019
Công ty CP Xây lắp Sông Đà - Hoàng Liên	Công ty liên kết	2.065.821.581	2.065.821.581

9. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Công ty Cổ phần Đầu tư GX Sa Pa (*)	-	9.200.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Ban 2	1.120.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư An Xuân	10.000.000.000	-
Cộng	11.120.000.000	9.200.000.000

(*) Công ty đã thống nhất thông qua phương án để Công ty Cổ phần Đầu tư GX Sa Pa chuyển trả thay Công ty số tiền 9.200.000.000 đồng vào tài khoản của Chi cục Thi hành án Huyện Sa Pa.

10. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	303.704.769	-	192.718.564	-
Công ty TNHH MTV Thủy điện Sa Pa (a)	17.565.791.788	-	17.565.791.788	-
Lỗ thanh lý dự án Nậm Cùn chờ xử lý (b)	14.654.688.095	-	14.654.688.095	-
Phải thu về chi phí đường dây điện và xây dựng công trình TĐ Sử Pán 2 bị xuất toán theo quyết toán (c)	903.583.761	-	903.583.761	-
Các khoản phải thu khác	2.591.584.414	(825.000.000)	2.352.457.788	(825.000.000)
Cộng	36.019.352.827	(825.000.000)	35.669.239.996	(825.000.000)

(a) Ngày 25/10/2010, Công ty TNHH MTV Thủy điện Sa Pa (trước đây là Công ty Cổ phần Thủy điện Sa Pa) trong quá trình thi công Nhà máy Thủy điện Sa Pa đã gây sạt lở làm vùi lấp nhà xưởng và máy móc thiết bị tại Nhà máy Thủy điện Sử Pán 2. Tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 03/2014/QĐST-DS ngày 05/11/2014, Tòa án nhân dân Huyện Sa Pa phán quyết: Công ty TNHH MTV Thủy điện Sa Pa bồi thường cho Công ty số tiền 17.563.000.000 đồng. Công ty đã ứng trước từ Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV (BIC) để có nguồn tiền khắc phục thiệt hại số tiền 5.500.000.000 đồng (xem thuyết minh số 21.a). Khi Công ty thu được tiền bồi thường từ Công ty TNHH MTV Thủy điện Sapa sẽ chuyển trả lại cho BIC.

Tuy nhiên, ngày 31/6/2016 Công ty TNHH MTV Thủy điện Sa Pa có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nêu trên. Lý do chính: người được Công ty ủy quyền tham gia phiên tòa đã tự ý quyết định mức bồi thường thiệt hại là vượt quá phạm vi ủy quyền. Ngày 18/7/2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã có Quyết

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

định giám đốc thẩm số 39/2019/DS-GĐT về việc tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Theo đó, phiên tòa đã quyết định hủy toàn bộ Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 03/2014/QĐST-DS ngày 05/11/2014 của Tòa án nhân dân Huyện Sa Pa; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm lại.

- (b) Ngày 29/10/2014, Ủy ban Nhân dân Tỉnh Lào Cai có quyết định số 3130/QĐ-UBND về việc thu hồi giấy chứng nhận đầu tư số 1212100107 đã cấp cho Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà – Hoàng Liên (nay là Công ty Cổ phần Thủy điện Sử Pán 2) về việc thực hiện dự án Nậm Cùn.

Để thu hồi chi phí đã đầu tư trước đó, Công ty ký hợp đồng xử lý tài sản số 31/HĐXLTS/2015 ngày 11/02/2015 với Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại 299 (chủ đầu tư mới của dự án thủy điện Nậm Cùn) với giá trị hợp đồng là 42.974.014.000 đồng. Tổng chi phí đầu tư thực tế của Công ty đến thời điểm xử lý dự án là 59.766.044.016 đồng. Theo đó, lỗ từ việc thanh lý dự án là 16.792.030.016 đồng. Công ty đã bàn giao đầy đủ hồ sơ tài liệu của dự án cho Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại 299. Theo ý kiến của Tổng Công ty Sông Đà (cổ đông sở hữu 38,08% vốn điều lệ) tại Công văn số 887/TCT-TCKT ngày 06/06/2017, chi phí bỏ ra để thực hiện dự án Nậm Cùn và việc thanh lý dự án này của Công ty là chưa đảm bảo đủ cơ sở pháp lý để ghi nhận nghiệp vụ kinh tế phát sinh này vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016 của Công ty. Theo đó, Công ty chưa ghi nhận khoản lỗ từ thanh lý dự án vào kết quả kinh doanh năm 2016.

Trong năm 2018, Công ty thực hiện rà soát lại các chứng từ chi phí đầu tư và nhận thấy có 2.137.341.921 đồng là chi phí của dự án Làng Sông Đà – Hoàng Liên bị ghi nhầm vào Dự án thủy điện Nậm Cùn. Do Dự án Làng Sông Đà – Hoàng Liên được chuyển nhượng trong năm 2018 nên Công ty hạch toán 2.137.341.921 đồng nêu trên vào kết quả kinh doanh năm 2018.

- (c) Là giá trị chênh lệch giữa quyết toán công trình thủy điện Sử Pán 2 được duyệt so với chi phí đầu tư mà Công ty ghi nhận. Phần chênh lệch này sẽ được Công ty làm việc và thu lại từ các nhà thầu thi công công trình.

b. Dài hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	49.815.000	-	49.815.000	-
Cộng	<u>49.815.000</u>	<u>-</u>	<u>49.815.000</u>	<u>-</u>

11. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2019	01/01/2019
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm	(825.000.000)	(825.000.000)
Cộng	<u>(825.000.000)</u>	<u>(825.000.000)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Chi phí bảo hiểm	138.289.462	-
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	145.654.322	7.754.536
Cộng	283.943.784	7.754.536

b. Dài hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chờ phân bổ	7.393.932.081	4.077.682.268
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	38.074.468	-
Các khoản khác	4.340.000	-
Cộng	7.436.346.549	4.077.682.268

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	566.494.696.650	476.395.494.717	110.168.310.166	425.489.000	1.153.483.990.533
Mua sắm trong kỳ	-	-	-	49.690.000	49.690.000
T/lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	566.494.696.650	476.395.494.717	110.168.310.166	475.179.000	1.153.533.680.533
Khấu hao					
Số đầu kỳ	160.110.286.711	147.727.656.905	32.820.126.721	184.531.843	340.842.602.180
Khấu hao trong kỳ	22.576.911.660	25.299.332.307	6.051.396.300	56.759.171	53.984.399.438
T/lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	182.687.198.371	173.026.989.212	38.871.523.021	241.291.014	394.827.001.618
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	406.384.409.939	328.667.837.812	77.348.183.445	240.957.157	812.641.388.353
Số cuối kỳ	383.807.498.279	303.368.505.505	71.296.787.145	233.887.986	758.706.678.915

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2019 là 757.991.600.049 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2019 là 475.216.147 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình chờ thanh lý.
- Không có cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2019	01/01/2019
Xây dựng cơ bản	8.467.354.589	5.734.323.803
- Đầu tư dự án Thủy điện Sử Pán 1 (d)	3.759.509.643	3.759.509.643
- Đầu tư dự án Thủy điện tại Văn Bàn (d)	1.974.814.160	1.974.814.160
- Làm đường nội bộ vào nhà máy	2.733.030.786	-
Cộng	8.467.354.589	5.734.323.803

(d) Theo các Công văn số 3142/UBND-CN ngày 10/12/2009 và 4271/UBND-TH ngày 04/11/2013 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Lào Cai, Dự án Thủy điện Sử Pán 1 và dự án Thủy điện tại Văn Bàn đã bị chấm dứt hiệu lực chủ trương cho phép Công ty lập dự án đầu tư do Công ty không trình hồ sơ dự án kịp thời cho Ủy ban Nhân dân Tỉnh Lào Cai.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2

Thôn Hoàng Liên, Xã Bản Hồ, Huyện Sa Pa, Tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2019	01/01/2019		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty CP Xây lắp Sông Đà - Hoàng Liên	4.000.000.000	(1.069.409.377)	4.000.000.000	(1.069.409.377)
Cộng	4.000.000.000	(1.069.409.377)	4.000.000.000	(1.069.409.377)

Công ty chưa nhận được Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty CP Xây lắp Sông Đà – Hoàng Liên. Cổ phiếu của Công ty này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của cổ phiếu này tại thời điểm 31/12/2019; Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty không có cơ sở để điều chỉnh giá trị trích lập dự phòng và xác định giá trị hợp lý.

Trong 4.000.000.000 đồng đầu tư vào Công ty CP Xây lắp Sông Đà – Hoàng Liên có 2.750.000.000 là vốn góp của Công ty và 1.250.000.000 đồng là vốn góp của cán bộ nhân viên ủy thác cho Công ty (xem thuyết minh số 20.b).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà (SOMECO)	55.125.310.422	55.625.310.422
Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02	16.254.397.450	25.454.397.450
Xí nghiệp Sông Đà 10.4 - Công ty CP Sông Đà 10	9.675.316.934	9.675.316.934
Công ty Cổ phần Cơ khí 4 & XD Thăng Long	7.300.543.673	7.300.543.673
Các đối tượng khác	10.777.504.704	11.693.069.851
Cộng	99.133.073.183	109.748.638.330

Trong đó: Phải trả người bán là bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2019	01/01/2019
Tổng Công ty Sông Đà	Công ty đầu tư	1.183.397.247	1.183.397.247
Xí nghiệp Sông Đà 10.4 - Công ty CP Sông Đà 10	Chung C.ty đầu tư	9.675.316.934	9.675.316.934
Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà (SOMECO)	Chung C.ty đầu tư	55.125.310.422	55.625.310.422
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	Chung C.ty đầu tư	3.237.964.535	3.237.964.535
Các đối tượng khác	Chung C.ty đầu tư	1.522.190.416	2.717.976.594
Cộng		70.744.179.554	72.439.965.732

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	-	13.281.615.528	13.659.159.342	377.543.814	-
Thuế thu nhập cá nhân	4.980.174	-	114.420.098	107.401.520	-	2.038.404
Thuế tài nguyên	-	2.511.316.291	13.510.671.462	14.907.872.334	-	1.114.115.419
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	667.271.576	5.217.648.724	5.510.867.580	-	374.052.720
Cộng	4.980.174	3.178.587.867	32.124.355.812	34.185.300.776	377.543.814	1.490.206.543

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

(*) Ngày 23/06/2017, Cục thuế Tỉnh Lào Cai đã có Quyết định số 2883/QĐ-CT về việc truy thu thuế GTGT, phạt chậm nộp, phạt vi phạm hành chính liên quan tới dự án Thủy điện Nậm Cùn và các dự án khác của Công ty là 9.454.318.647 đồng. Công ty đã nộp và ghi nhận thuế GTGT truy thu, các khoản phạt thuế liên quan tới các dự án khác vào kết quả kinh doanh là 4.516.083.506 đồng (Năm 2018 là 3.202.975.070 đồng; năm 2019 là 1.313.108.436 đồng). Số thuế còn lại (4.938.235.141 đồng) chưa được phản ánh vào Báo cáo tài chính. Đây là thuế GTGT truy thu và các khoản phạt thuế của dự án Thủy điện Nậm Cùn mà Công ty cho rằng chưa phù hợp với qui định của Luật thuế hiện hành. Theo đó, Công ty đã có công văn gửi Bộ Tài chính và Tổng cục thuế về vấn đề này và kiến nghị Cục thuế Tỉnh Lào Cai không truy thu khoản thuế này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Bộ Tài chính và Tổng cục thuế đã có công văn trả lời Công ty về chính sách thuế GTGT liên quan đến dự án Thủy điện Nậm Cùn (Công văn số 9296/BTC-CST ngày 12/07/2017 và công văn số 4816/TCT-DNL ngày 18/10/2017). Tuy nhiên, do nội dung công văn của Bộ Tài chính và Tổng cục thuế chưa rõ ràng nên ngày 30/11/2017, Cục thuế Tỉnh Lào Cai đã làm việc với Công ty và các bên thống nhất phương án xử lý như sau: Cục thuế Lào Cai sẽ tiếp tục có báo cáo đề xuất không truy thu thuế GTGT đối với dự án Thủy điện Nậm Cùn theo nội dung công văn của Bộ Tài chính và xin ý kiến hướng dẫn chỉ đạo của Tổng cục thuế. Trong thời gian chờ ý kiến của Tổng cục thuế, Cục thuế Tỉnh Lào Cai không thực hiện cưỡng chế nợ thuế đối với khoản thuế GTGT truy thu, tiền phạt và tiền chậm nộp thuế của dự án Thủy điện Nậm Cùn.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Trích trước chi phí công trình Sử Pán 2	460.686.813	460.686.813
Chi phí vận hành đường dây	650.761.728	577.900.909
Trích trước chi phí phải trả chi phí xây dựng công trình thủy điện Sử Pán 2 theo Quyết toán	11.510.569.431	11.510.569.431
Trích trước chi phí lãi vay phải trả	333.800.664.694	280.211.502.888
Cộng	346.422.682.666	292.760.660.041

19. Doanh thu chưa thực hiện

a. Ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Doanh thu nhận trước hoạt động cho thuê đường dây	1.902.748.414	1.902.748.414
Cộng	1.902.748.414	1.902.748.414

b. Dài hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Doanh thu nhận trước hoạt động cho thuê đường dây	20.930.232.556	22.832.980.973
Cộng	20.930.232.556	22.832.980.973

20. Phải trả khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Kinh phí công đoàn	87.227.280	42.387.190
Quỹ Sông Đà	-	39.725.469
Tạm mượn tiền Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV (BIC) để khắc phục sự cố sạt lở đất năm 2010 (*)	5.500.000.000	5.500.000.000
Phải trả khác	800.162.831	705.345.961
Cộng	6.387.390.111	6.287.458.620

(*) Chi tiết đã trình bày tại điểm (a) của Thuyết minh số 10.a.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Dài hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Nhận ủy thác của cán bộ công nhân viên để đầu tư vào Công ty CP Xây lắp Sông Đà - Hoàng Liên	1.250.000.000	1.250.000.000
Cộng	1.250.000.000	1.250.000.000

21. Vay và nợ thuê tài chính

a. Ngắn hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn	33.043.867.794	-	-	33.043.867.794
- Tổng Công ty Sông Đà (*)	33.043.867.794	-	-	33.043.867.794
+ Gốc vay	15.000.000.000	-	-	15.000.000.000
+ Lãi vay nhập gốc	18.043.867.794	-	-	18.043.867.794
Vay dài hạn đến hạn trả	33.949.690.000	55.531.000.000	87.204.780.000	2.275.910.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai	12.056.450.000	27.243.000.000	37.023.540.000	2.275.910.000
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	21.893.240.000	28.288.000.000	50.181.240.000	-
Cộng	66.993.557.794	55.531.000.000	87.204.780.000	35.319.777.794

(*) Vay Tổng Công ty Sông Đà theo hợp đồng số 06/2011/HĐTĐ/TĐSD-SĐHL với số dư gốc vay là 15.000.000.000 đồng. Phần lãi vay phát sinh hàng năm của khoản vay này và phần lãi phát sinh từ khoản nợ phải trả người bán (tại Thuyết minh số 16) được Công ty nhập gốc nợ vay, lũy kế đến ngày 01/01/2019 là 18.043.867.794 đồng. Năm 2019, Công ty chưa ghi nhận khoản nợ lãi vay này do xác định Công ty đang trong quá trình làm việc với Tổng Công ty Sông Đà về hợp đồng vay số 06/2011/HĐTĐ/TĐSD-SĐHL và các nghĩa vụ liên quan.

b. Dài hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay dài hạn	565.990.000.000	-	97.488.500.000	468.501.500.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai	268.833.000.000	-	37.023.540.000	231.809.460.000
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	297.157.000.000	-	60.464.960.000	236.692.040.000
Cộng	565.990.000.000	-	97.488.500.000	468.501.500.000
Trong đó:				
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	33.949.690.000			2.275.910.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	532.040.310.000			466.225.590.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Khoản vay dài hạn theo hợp đồng tài trợ giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Lào Cai và Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (nay là Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam) cùng các văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 03/2012/HĐ ngày 28/12/2012 và số 01/2013/HĐ ngày 17/5/2013. Tổng số tiền vay tối đa là 813.817.430.279 đồng, thời hạn là 216 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (thời gian ân hạn là 48 tháng). Tài sản thế chấp là toàn bộ tài sản của Dự án Thủy điện Sử Pán 2 (bao gồm tài sản hiện có và tài sản hình thành trong tương lai) cùng Quyền sử dụng đất tại dự án Thủy điện Sử Pán 2 của bên vay.

22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu (@)	Cổ phiếu quỹ	LNST chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2018	152.460.000.000	(2.521.700.000)	(265.512.474.469)	(115.574.174.469)
Tăng trong năm	-	-	(8.730.081.805)	(8.730.081.805)
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2018	152.460.000.000	(2.521.700.000)	(274.242.556.274)	(124.304.256.274)
Số dư tại 01/01/2019	152.460.000.000	(2.521.700.000)	(274.242.556.274)	(124.304.256.274)
Tăng trong năm	-	-	3.157.889.905	3.157.889.905
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2019	152.460.000.000	(2.521.700.000)	(271.084.666.369)	(121.146.366.369)

(@) Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 ngày 07/01/2019 là 420.000.000.000 đồng. Vốn góp thực tế của cổ đông đến thời điểm 31/12/2019 là 152.460.000.000 đồng.

b. Cổ phiếu

	31/12/2019 Cổ phiếu	01/01/2019 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.246.000	15.246.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.246.000	15.246.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	205.000	205.000
- Cổ phiếu phổ thông	205.000	205.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.041.000	15.041.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.041.000	15.041.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2019	Năm 2018
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	(274.242.556.274)	(265.512.474.469)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	3.157.889.905	(8.730.081.805)
Phân phối lợi nhuận	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	(271.084.666.369)	(274.242.556.274)

23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2019	Năm 2018
Doanh thu bán điện thương phẩm	146.584.478.066	147.062.771.579
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê đường dây	1.902.748.416	1.902.748.416
Cộng	148.487.226.482	148.965.519.995

24. Giá vốn hàng bán

	Năm 2019	Năm 2018
Giá vốn của điện thương phẩm đã bán	84.202.231.349	83.121.987.822
Giá vốn của dịch vụ cho thuê đường dây đã cung cấp	688.878.785	608.064.574
Cộng	84.891.110.134	83.730.052.396

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019	Năm 2018
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	321.075.033	26.125.458
Cộng	321.075.033	26.125.458

26. Chi phí tài chính

	Năm 2019	Năm 2018
Chi phí lãi vay	53.589.161.806	64.896.521.737
Cộng	53.589.161.806	64.896.521.737

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019	Năm 2018
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ	146.004.736	273.170.620
Chi phí nhân công	4.064.285.850	3.207.796.151
Chi phí khấu hao tài sản cố định	73.671.420	73.671.420
Chi phí dịch vụ mua ngoài	622.274.571	368.158.826
Các khoản khác	1.082.835.199	2.665.907.143
Cộng	5.989.071.776	6.588.704.160

28. Thu nhập khác

	Năm 2019	Năm 2018
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bồi thường dự án	-	762.955.981
Thu nhập từ chia sẻ phí bảo dưỡng đường dây	288.800.455	-
Cộng	288.800.455	762.955.981

29. Chi phí khác

	Năm 2019	Năm 2018
Tiền thuế bị truy thu, tiền phạt vi phạm hành chính	1.359.868.291	3.202.975.070
Các khoản khác	110.000.058	66.429.876
Cộng	1.469.868.349	3.269.404.946

30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2019	Năm 2018
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.157.889.905	(8.730.081.805)
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(3.157.889.905)	8.730.081.805
- Điều chỉnh tăng	1.509.868.349	33.042.363.587
- Điều chỉnh giảm (Chuyển lỗ)	4.667.758.254	24.312.281.782
Tổng thu nhập chịu thuế	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2019	Năm 2018
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.157.889.905	(8.730.081.805)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.157.889.905	(8.730.081.805)
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	15.041.000	15.041.000
Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu	210	(580)

32. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019	Năm 2018
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.097.887.551	1.081.563.354
Chi phí nhân công	9.194.602.445	8.644.253.271
Chi phí khấu hao tài sản cố định	53.984.399.438	53.941.695.256
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.951.518.058	3.828.767.335
Chi phí khác bằng tiền	24.651.774.418	22.822.477.340
Cộng	90.880.181.910	90.318.756.556

33. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là sản xuất, kinh doanh điện thương phẩm và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

34. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro về tỷ giá, rủi ro về lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Hiện tại, Công ty đang có số dư nợ gốc vay tương đối lớn nên ảnh hưởng của rủi ro về biến động lãi suất tác động đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty là không nhỏ. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức kiểm soát được.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của nguyên vật liệu đầu vào. Tuy nhiên, chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng giá thành sản phẩm nên Công ty cho rằng rủi ro về biến động về giá nguyên vật liệu ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng chính của Công ty là Công ty mua bán điện thuộc Tập đoàn điện lực Việt Nam. Với đặc thù kinh doanh mua bán điện tại Việt Nam, Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

Đối với khách hàng thuộc hoạt động cho thuê đường dây điện, Công ty thực hiện chính sách thu tiền trước theo điều khoản hợp đồng. Do đó, Ban Tổng giám đốc cho rằng, Công ty hầu như không có rủi ro tín dụng đối với khách hàng này.

Đối với công nợ phải thu khác chủ yếu liên quan đến các khoản nợ phải thu về tiền bồi thường thiệt hại, tiền lỗ thanh lý dự án bị chấm dứt đầu tư chờ xử lý, tiền phải thu về giá trị công trình xây dựng bị xuất toán. Các khoản công nợ này đã phát sinh từ các năm trước, Công ty cũng đang có các biện pháp để thu hồi công nợ như: làm việc với bên bồi thường để thu hồi giá trị bồi thường thiệt hại; Đối với công nợ phải thu về lỗ thanh lý dự án chờ xử lý, Công ty đang chờ ý kiến từ Đại hội cổ đông; Đối với các khoản phải thu về giá trị công trình bị xuất toán, Công ty đang tiến hành rà soát lại từng hạng mục công trình và các nhà thầu có liên quan để xác định trách nhiệm của từng nhà thầu. Với đặc điểm này, Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty có rủi ro tín dụng trong việc thu hồi các khoản nợ phải thu khác.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31/12/2019	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	99.133.073.183	-	99.133.073.183
Chi phí phải trả	346.422.682.666	-	346.422.682.666
Vay và nợ thuê tài chính	35.319.777.794	466.225.590.000	501.545.367.794
Phải trả khác	6.300.162.831	-	6.300.162.831
Cộng	487.175.696.474	466.225.590.000	953.401.286.474
01/01/2019	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	109.748.638.330	-	109.748.638.330
Chi phí phải trả	292.760.660.041	-	292.760.660.041
Vay và nợ thuê tài chính	66.993.557.794	532.040.310.000	599.033.867.794
Phải trả khác	6.245.071.430	-	6.245.071.430
Cộng	475.747.927.595	532.040.310.000	1.007.788.237.595

Ban Tổng Giám đốc hiểu rằng rủi ro thanh khoản của Công ty ở mức rất cao.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2019	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.505.518.861	-	14.505.518.861
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	290.000.000	290.000.000
Phải thu khách hàng	15.583.495.207	-	15.583.495.207
Phải thu về cho vay	11.120.000.000	-	11.120.000.000
Phải thu khác	19.785.523.437	49.815.000	19.835.338.437
Cộng	60.994.537.505	339.815.000	61.334.352.505
01/01/2019	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.663.146.636	-	19.663.146.636
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	290.000.000	290.000.000
Phải thu khách hàng	17.606.657.479	-	17.606.657.479
Phải thu về cho vay	9.200.000.000	-	9.200.000.000
Phải thu khác	19.546.396.811	49.815.000	19.596.211.811
Cộng	66.016.200.926	339.815.000	66.356.015.926

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

35. Thông tin về các bên liên quan

a. Bên liên quan

	Mối quan hệ
Tổng Công ty Sông Đà	Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Xây lắp Sông Đà - Hoàng Liên	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần tư vấn Sông Đà	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà (SOMEKO)	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	Chung Công ty đầu tư

b. Giao dịch trọng yếu với bên liên quan phát sinh trong kỳ

	Giao dịch	Năm 2019	Năm 2018
Tổng Công ty Sông Đà	Lãi vay (nhập gốc)	-	1.201.108.886
Ban Tổng Giám đốc	Lương, thưởng	1.735.005.636	434.584.673
Hội đồng quản trị	Thù lao	324.000.000	204.000.000

36. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

37. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi AAC. Một số chỉ tiêu so sánh của Bảng cân đối kế toán đã được trình bày lại cho đúng quy định hiện hành và đảm bảo tính chất so sánh với các số liệu kỳ này. Cụ thể như sau:

Bảng cân đối kế toán	Số liệu tại ngày 31/12/2018 VND	Số liệu tại ngày 01/01/2019 (Trình bày lại) VND	Chênh lệch VND
Chi phí phải trả ngắn hạn	12.549.157.153	292.760.660.041	280.211.502.888
Chi phí phải trả dài hạn	280.211.502.888	-	(280.211.502.888)


Tổng Giám đốc

Nguyễn Xuân Hồng

Kế toán trưởng



Kim Văn Sỹ

Người lập biểu



Bùi Lan Hương

Lào Cai, ngày 26 tháng 03 năm 2020

Số: 04./TTr-SP2-HĐQT

Lào Cai, ngày 18 tháng 05 năm 2020

**TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2
Về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC năm 2020**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 105/2004/NĐ-CP ngày 30/3/2004 của Chính phủ về Kiểm toán độc lập và Nghị định số 133/2005/NĐ-CP ngày 31 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2004/NĐ-CP ngày 30 tháng 03 năm 2004 về Kiểm toán độc lập;
- Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về chế độ kế toán doanh nghiệp;
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần thủy điện Sử Pán 2,

Thực hiện các nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính trong năm 2020 của Công ty Cổ phần thủy điện Sử Pán 2 như sau:

1. Tiêu thức lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập:

- Là đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín, được UBCKNN và Bộ Tài chính chấp thuận kiểm toán cho các công ty đại chúng và tổ chức niêm yết;
- Là đơn vị có đội ngũ kiểm toán viên trung thực, đề cao đạo đức nghề nghiệp, có trình độ chuyên môn cao, nhiều kinh nghiệm nhằm đảm bảo chất lượng kiểm toán báo cáo tài chính;
- Chi phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do Công ty yêu cầu.

2. Đề xuất thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán:

Với các tiêu chí trên và đề xuất của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (ICPA) là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần thủy điện Sử Pán 2.

Trân trọng!

- Nơi nhận:
- ĐHCĐ;
 - TV HĐQT, BKS;
 - Lưu: Văn phòng.



Số: ..03./TTr-SP2-HĐQT

Lào Cai, ngày 18 tháng 05 năm 2020

**TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2
Về việc chi trả tiền thù lao HĐQT, BKS năm 2019 và Phương án chi trả thù lao
HĐQT, BKS năm 2020**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty CP thủy điện Sử Pán 2;
- Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty năm 2019,

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết toán thù lao năm 2019 và dự kiến phương án chi trả thù lao năm 2020 cho các Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát như sau:

1. Việc chi trả thù lao của HĐQT, BKS năm 2019:

Dự toán thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2019 theo Nghị quyết số 10/NQ-SP2-ĐHĐCĐ ngày 26/06/2019 là 408 triệu đồng. Đề nghị Đại hội thông qua việc chi trả thù lao cho các Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và Thư ký Công ty với số tiền là 408 triệu đồng.

Trong đó:	- Hội đồng quản trị:	264.000.000 đồng
	- Ban kiểm soát:	120.000.000 đồng
	- Thư ký Công ty:	24.000.000 đồng

2. Về phương án chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2020:

Phương án chi trả thù lao HĐQT và BKS năm 2020 thực hiện như sau:

STT	Nội dung	Số lượng	Thù lao 1 tháng (Đvt: đồng)	Tổng thù lao năm 2020 (Đvt: đồng)
I	Hội đồng quản trị	5	22.000.000	264.000.000
1	Chủ tịch HĐQT	1	6.000.000	72.000.000
2	Thành viên HĐQT	4	16.000.000	192.000.000
II	Ban kiểm soát	3	10.000.000	120.000.000
1	Trưởng Ban kiểm soát	1	4.000.000	48.000.000
2	Thành viên Ban kiểm soát	2	6.000.000	72.000.000
III	Thư ký	1	2.000.000	24.000.000
Tổng cộng			34.000.000	408.000.000



Kế hoạch thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và Thư ký Công ty được lập trên cơ sở kế hoạch SXKD năm 2020; thực tế chi trả được xác định theo mức độ hoàn thành kế hoạch (quy định tại Nghị định 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính Phủ).

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- TV HĐQT, BKS;
- Lưu: Văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch



Mai Huy Tuấn

